



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí

2016



www.psi.vn

MỤC LỤC

Trang

THÔNG TIN CHUNG

<i>Thông tin khái quát</i>	03
<i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</i>	07
<i>Định hướng phát triển</i>	14
<i>Các rủi ro</i>	17

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

<i>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	22
<i>Tổ chức và Nhân sự</i>	24
<i>Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án</i>	26
<i>Tình hình tài chính</i>	28
<i>Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu</i>	29

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

<i>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	30
<i>Tình hình tài chính</i>	32
<i>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý</i>	33
<i>Kế hoạch phát triển trong tương lai</i>	34
<i>Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán</i>	37

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

<i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty</i>	37
<i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty</i>	38
<i>Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị</i>	39

QUẢN TRỊ CÔNG TY

<i>Hội đồng quản trị</i>	40
<i>Ban Kiểm soát</i>	43
<i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát</i>	45

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/12/2006
- Vốn điều lệ: **598.413.000.000** đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **598.413.000.000** đồng
- Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà 18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
- Số điện thoại: 04 39343888
- Số fax: 04 39343999
- Website: www.psi.vn
- Mã cổ phiếu: **PSI**

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí là công ty chứng khoán duy nhất thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam – Tập đoàn kinh tế lớn nhất Việt Nam. Nằm trong Đề án hình thành Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) được thành lập và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động số 26/UBCK- GPHĐCK vào ngày 19/12/2006 với các ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính & Đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Lưu ký chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Quá trình phát triển

Công ty chính thức đi vào hoạt động vào ngày 07/02/2007 với Hội sở chính tại Hà Nội và 01 chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh, số vốn điều lệ là 150 tỷ đồng. Từ một công ty chứng khoán non trẻ, bất chấp những khó khăn của thị trường, thăng trầm của nền kinh tế Việt Nam thời gian qua. PSI đã không ngừng thay đổi và phát triển.

Hiện nay, Công ty đã xác lập được vị thế vững chắc trên thị trường và tạo ra sự khác biệt lớn so với các công ty chứng khoán khác, thông qua:

- Sự vượt trội về trình độ chuyên môn, chất lượng tư vấn, dịch vụ với đội ngũ chuyên gia hàng đầu.
- Là đầu mối triển khai các thương vụ lớn với các đơn vị trong ngành Dầu khí, gây tiếng vang cả ở trong và ngoài nước, xứng đáng thương hiệu ngành Dầu khí.
- Là đối tác hàng đầu Việt Nam của các định chế tài chính lớn thế giới trong các thương vụ về đầu tư, tư vấn tài chính... tại Việt Nam.

Các mốc thời gian đánh dấu quá trình phát triển của PSI

2006	Chính thức được cấp phép hoạt động
2007	Chính thức đi vào hoạt động và ra đời chi nhánh TP Hồ Chí Minh
2009	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thành lập hai chi nhánh mới Tại Vũng Tàu và Đà Nẵng ▪ Công bố thương hiệu mới PSI ▪ Áp dụng hệ thống giao dịch trực tuyến hiện đại của TongYang – Hàn Quốc.
2010	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tăng Vốn Điều lệ của Công ty từ 150 tỷ đồng lên 485 tỷ đồng vào tháng 6/2010, và lên 509,25 tỷ vào tháng 10/2010. ▪ Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào tháng 7/2010 ▪ Thuộc nhóm 5 công ty chứng khoán có doanh thu dịch vụ tư vấn lớn nhất thị trường năm 2010, nhóm 10 các công ty chứng khoán có lợi nhuận cao nhất thị trường năm 2010. ▪ Đạt giải thưởng thương hiệu nổi tiếng Quốc gia năm 2010 và danh hiệu Doanh nhân xuất sắc Đất Việt năm 2010 dành cho 02 cá nhân: Ông Bùi Ngọc Thắng – Chủ tịch HĐQT và Ông Phạm Quang Huy – Giám đốc
2011	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tăng vốn điều lệ lên 598,413 tỷ đồng thông qua việc chào bán thành công 14,9% cổ phần cho công ty SMBC Nikko (Nhật Bản) ▪ Đạt giải bình chọn Công ty tư vấn M&A tiêu biểu và giải Công ty có Thương vụ phát hành riêng lẻ tiêu biểu (với đối tác Nhật Bản) tại Diễn đàn Mua bán - Sáp nhập doanh nghiệp 2011. ▪ Đạt giải thưởng bình chọn “Báo cáo thường niên tốt nhất 2010”. ▪ Nhận giải thưởng “Thương hiệu nổi tiếng nhất ngành chứng khoán tại Việt Nam năm 2010 do người tiêu dùng bình chọn” do VCCI tổ chức. ▪ Phối hợp với Đại học NewYork – Hoa Kỳ và đơn vị bảo trợ truyền thông là Báo

Đầu tư Chứng khoán tổ chức thành công hội thảo “Chiến lược toàn cầu của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh kinh tế hiện nay”.

- 2013**
- Nhận giải thưởng Công ty Tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 – 2013 do Diễn đàn M&A 2013 trao tặng.
- 2014**
- Trở thành thành viên chính thức tham gia đấu thầu trái phiếu chính phủ năm 2014
 - Doanh thu từ hoạt động môi giới trái phiếu trong Top 10 của thị trường.
 - Là đơn vị tư vấn tái cấu trúc cho toàn bộ Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty thành viên
 - Đơn vị thực hiện thành công dự án tư vấn cổ phần hóa và IPO cho Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (Đạm Cà Mau) – với tỷ lệ chào bán thành công cao.
- 2015**
- Top 5 Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu trong Nghiệp vụ Tư vấn Niêm yết và Đấu giá tại Sở GDCK Hồ Chí Minh;
 - Top 10 CTCK có doanh thu hoạt động Tư vấn cao nhất thị trường
 - Tiếp tục là đơn vị tư vấn tái cấu trúc thành công cho Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam và các đơn vị thành viên trong Tập Đoàn.
 - Đứng đầu thị trường về doanh thu Lưu ký
 - Tổ chức thành công “Hội thảo Nhà đầu tư cho ngành dầu khí” vào tháng 4/2015, với sự tham gia của trên 100 nhà đầu tư tổ chức và các đơn vị thành viên của PVN đã niêm yết trên thị trường
 - Tư vấn thành công IPO gắn liền niêm yết cho Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (mô hình đầu tiên được áp dụng tại thị trường chứng khoán Việt Nam)
 - Tư vấn thành công sellside tìm đối tác chiến lược nước ngoài cho Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng TM CP Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIC)
 - Tư vấn thành công buy-side cho Nippon Paper mua một công ty giấy tại Việt Nam.
- 2016**
- Giải thưởng Thương hiệu tiên phong Hội nhập kinh tế quốc tế do Hội các DN vừa và nhỏ trao tặng
 - Lọt Top 50 Báo cáo thường niên của năm
 - Tổ chức thành công Tour Doanh nghiệp PVN Index – cầu nối giữa các Nhà đầu tư hàng đầu và các DN trong bộ chỉ số
 - Tư vấn thành công đấu giá CP PV Building
 - Tiếp tục là đơn vị tư vấn tái cấu trúc cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn

- Kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty

Giải thưởng và Thương vụ tiêu biểu

Giải thưởng:

- Giải thưởng *Thương hiệu nổi tiếng Quốc gia* năm 2010 và danh hiệu *Doanh nhân xuất sắc Đất Việt* năm 2010
- Nhận giải thưởng *Thương hiệu nổi tiếng nhất ngành chứng khoán tại Việt Nam* năm 2010 do người tiêu dùng bình chọn do VCCI tổ chức
- Giải thưởng bình chọn *Báo cáo thường niên tốt nhất 2010*
- Giải bình chọn *Công ty có Thương vụ phát hành riêng lẻ tiêu biểu* (với đối tác Nhật Bản) tại diễn đàn M&A 2011. Diễn đàn M&A Việt Nam 2011 do Báo Đầu tư phối hợp với Công ty AVM Vietnam tổ chức dưới sự bảo trợ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Giải thưởng *Công ty Tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 – 2013* do Diễn đàn M&A 2013 trao tặng
- *Top 5 công ty chứng khoán tiêu biểu trong nghiệp vụ Tư vấn niêm yết và đầu giá* năm 2015 do HOSE bình chọn
- Giải thưởng *Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2015*

Các thương vụ tiêu biểu:

+ Tư vấn tái cấu trúc:

- Lập đề án tái cấu trúc, thoái vốn cho **PetroVietnam**
- Lập đề án triển khai sản xuất hệ thống xăng dầu cho **PVOil**
- Lập đề án tái cấu trúc tài chính các đơn vị cho **PVC**

+ Tư vấn M&A:

- Bán cổ phần cho Cổ đông chiến lược **PVI** giá trị **35 triệu USD**
- Tư vấn sáp nhập cho **PVOil Mekong** giá trị **20 triệu USD**

+ Tư vấn quản trị doanh nghiệp:

- Tư vấn công ty con thay đổi mô hình hoạt động cho công ty thành viên của **DPM**
- Tư vấn công ty con đổi mô hình hoạt động cho công ty thành viên **PVOil**

+ Tư vấn cổ phần hóa:

- Tư vấn IPO, cổ phần hóa, niêm yết cho **Đạm Cà Mau**, giá trị IPO đạt **50 triệu USD**
- Tư vấn Cổ phần hóa **Công ty kinh doanh xăng dầu nhà nước**, giá trị vốn hóa gần **100**

triệu USD**+ Tư vấn phát hành:**

- Tư vấn phát hành cho **DMC, giá trị ~15 triệu USD**
- Tư vấn bảo lãnh phát hành CP cho **Petrosetco, giá trị ~ 10 triệu USD**
- Tư vấn phát hành cho **PVN**

+ Tư vấn tìm kiếm cổ đông chiến lược cho TCT Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, giá trị 1.080 tỷ đồng**NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) là tổ chức tài chính hàng đầu, uy tín tại thị trường Việt Nam, và là công ty được niêm yết tại Sở giao dịch TP.Hà Nội (HNX). Với những định hướng đầu tư mang tính chiến lược rõ ràng và dài hạn, PSI đã đạt được nhiều thành tích nổi bật trong suốt quá trình hoạt động. PSI cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế bao gồm: Dịch vụ chứng khoán, Dịch vụ Ngân hàng đầu tư và Phân tích phát triển chỉ số:

Ngành nghề kinh doanh	Địa bàn kinh doanh
<ul style="list-style-type: none"> ○ Môi giới chứng khoán; ○ Tự doanh chứng khoán; ○ Tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính; ○ Lưu ký chứng khoán; ○ Bảo lãnh phát hành chứng khoán. 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Thành phố Hà Nội ○ Thành phố Hồ Chí Minh ○ Thành phố Vũng Tàu ○ Thành phố Đà Nẵng

1. Dịch vụ chứng khoán

Với hệ thống công nghệ hiện đại, tính bảo mật cao và chuyên nghiệp, hiện tại khách hàng có thể sử dụng một cách an toàn và hiệu quả các dịch vụ chứng khoán của PSI gồm:

- [Mở tài khoản giao dịch](#)
- [Giao dịch chứng khoán niêm yết](#)
- [Dịch vụ hỗ trợ giao dịch chứng khoán](#)
- [Dịch vụ Tư vấn đầu tư](#)
- [Dịch vụ hỗ trợ tài chính](#)
- [Lưu ký chứng khoán](#)

- Dịch vụ quản lý sổ cổ đông

Sau hơn 8 năm hoạt động với số lượng hơn 26.000 tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư, PSI đã làm tốt vai trò của một đơn vị môi giới chứng khoán là thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và là một công ty môi giới chứng khoán đáng tin cậy. PSI cam kết mang đến cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ chứng khoán phong phú đa dạng, cạnh tranh về chất lượng. Bên cạnh các dịch vụ giao dịch trái phiếu, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ mở, quản lý cổ đông...PSI còn cung cấp các dịch vụ tài chính để đáp ứng nhu cầu của khách hàng với lãi suất ưu đãi phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

Là một trong số những công ty chứng khoán được thành lập đầu tiên trên TTCK Việt Nam, PSI cung cấp tới các nhà đầu tư dịch vụ chứng khoán chuyên nghiệp cùng với hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhất trên thị trường chứng khoán hiện nay. Để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư, PSI rất chú trọng phát triển các phần mềm giao dịch online như: Smart_Trade, Smart_Invest, MTS (Mobile_Trading). MTS (Mobile_Trading) được triển khai trên nền hệ điều hành Apple iOS (iOS platform) và trên nền hệ điều hành Android nên phù hợp với mọi dòng smart phone hiện có tại Việt Nam. MTS là sản phẩm tiên tiến hỗ trợ nhà đầu tư liên tục được cập nhật các thông tin về thị trường ,đáp ứng nhu cầu giao dịch của khách hàng tại bất cứ nơi đâu, ngay cả khi đang di chuyển với khả năng bảo mật cao.

Các hoạt động Dịch vụ chứng khoán của PSI hướng tới 2 đối tượng phục vụ:

- **Khách hàng cá nhân:** cung cấp dịch vụ Môi giới, Tư vấn đầu tư danh mục, Báo cáo phân tích, Tóm tắt thị trường hàng ngày
- **Khách hàng tổ chức** được chia thành 2 nhóm Khách hàng Doanh nghiệp và Khách hàng tổ chức Tài chính, với các dịch vụ bao gồm giới thiệu, tư vấn cơ hội đầu tư phù hợp; M&A; môi giới giao dịch lô lớn, cung cấp các Báo cáo phân tích thị trường, ngành và cơ hội đầu tư; Quan hệ Nhà đầu tư (IR) và Môi giới trái phiếu.

2. Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Với mạng lưới khách hàng rộng lớn và đối tác chiến lược trong và ngoài nước có nhiều kinh nghiệm như **PVcomBank** và **SMBC Nikko**, sự hỗ trợ tích cực từ **Petrovietnam**, PSI có nhiều kinh nghiệm trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn đa dạng, đáp ứng được nhiều yêu cầu khác nhau nhằm mang lại kết quả khả quan nhất cho khách hàng.

Hiện PSI là một trong số ít công ty chứng khoán có thể cung cấp tất cả các nghiệp vụ tư vấn bao gồm Tư vấn Tái cấu trúc, M&A, Cổ phần hóa. Quản trị doanh nghiệp, Phát hành, Niêm yết cùng đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản trong nước và nước ngoài với nhiều kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam.

+ **Tư vấn Tái cấu trúc:** PSI rà soát mô hình hoạt động, cơ cấu tài chính, cơ cấu tài sản, cơ cấu nợ, dòng tiền... để đưa ra các sản phẩm cấu trúc tài chính phù hợp với đặc thù ngành nghề và năng lực tài chính của từng doanh nghiệp.

Trên cơ sở khảo sát và đánh giá thực trạng tình hình hoạt động của doanh nghiệp, PSI đưa ra phương án cơ cấu lại các mảng hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức phân quyền, cơ cấu lại hoạt động tài chính: sử dụng tài sản; công nợ; phân bổ vốn đầu tư; tỷ lệ quy mô vốn chủ sở hữu, đảm bảo một cơ cấu hợp lý phù hợp với chiến lược phát triển của ngành, vùng, quốc gia và xu thế chung thế giới nhằm tạo bước đột phá cho sự phát triển & nâng cao hiệu suất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ **Tư vấn M&A:** PSI là một trong những đơn vị tiên phong tại Việt Nam về phát triển tư vấn Mua bán và Sáp nhập (M&A), là đơn vị tư vấn M&A chính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Bộ phận Tư vấn M&A của PSI giúp khách hàng nghiên cứu về thị trường; ngành nghề, tìm kiếm các cơ hội đầu tư mua/bán phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh trong nước & quốc tế, trợ giúp trong quá trình tổ chức soát xét, đánh giá doanh nghiệp due diligence, trợ giúp đàm phán với đối tác, kí kết các hợp đồng mua bán cổ phần, hợp tác kinh doanh chiến lược, hỗ trợ kỹ thuật, hoàn thiện thủ tục giao dịch.

Với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm và chuyên nghiệp, PSI sẽ cùng với các khách hàng triển khai việc mua bán và sáp nhập một cách thành công, hiệu quả và nhanh chóng.

+ **Tư vấn Cổ phần hóa:** PSI cung cấp dịch vụ tư vấn từ khâu xử lý tài chính, hỗ trợ tái cấu trúc vốn trước và sau khi chuyển đổi, hỗ trợ định giá doanh nghiệp và định giá chứng khoán phát hành. PSI tư vấn cho doanh nghiệp 100% vốn nhà nước xây dựng phương án chuyển đổi thành công ty cổ phần bao gồm: hình thức cổ phần hóa, cơ cấu vốn điều lệ, phương thức phát hành cổ phiếu, phương án sắp xếp lao động, phương án hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn sau cổ phần hóa, xây dựng điều lệ công ty, tư vấn mô hình tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần nhằm đảm bảo sự thành công trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp.

PSI tư vấn cho doanh nghiệp các thủ tục, trình tự, nội dung tiến hành cuộc họp của các cổ đông của công ty cổ phần được tổ chức lần đầu tiên sau khi công ty cổ phần được thành lập, đảm bảo đúng

pháp luật hiện hành.

+ **Tư vấn Quản trị doanh nghiệp:** PSI cùng khách hàng cải tiến, hoàn thiện và không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức thông qua các chính sách, cơ chế quản lý hữu hiệu và phát huy năng lực của đội ngũ.

Bằng việc nghiên cứu, đánh giá hoạt động của doanh nghiệp, từ đó PSI đưa ra các khuyến nghị phù hợp nhằm cải thiện hiệu quả kinh doanh, xây dựng Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, các quy chế điều chỉnh hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, quy trình công bố thông tin đại chúng, tổ chức đại hội đồng cổ đông....

+ **Tư vấn Phát hành:** PSI giúp doanh nghiệp lựa chọn giải pháp huy động vốn phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo các mục tiêu về cơ cấu vốn, cơ cấu cổ đông tối ưu...

- Tư vấn phát hành ra công chúng: PSI tư vấn xây dựng hồ sơ phát hành chứng khoán cho doanh nghiệp đủ nội dung, đúng thủ tục pháp lý trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép phát hành; xây dựng hồ sơ đấu giá, đăng ký đấu giá qua Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo nhu cầu của doanh nghiệp
- Tổ chức đấu giá cổ phần tại PSI (đối với các doanh nghiệp không đủ điều kiện phát hành ra công chúng): PSI tổ chức buổi đấu giá cho DN phát hành tại sàn giao dịch của công ty bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ và đúng pháp luật cho nhà đầu tư bao gồm các nội dung: xây dựng Quy chế đấu giá, thủ tục đấu giá, làm việc với nhà đầu tư trước đấu giá và hỗ trợ doanh nghiệp sau khi phát hành.

+ **Tư vấn Niêm yết:** PSI cung cấp cho doanh nghiệp lộ trình hoạt động cụ thể để đạt được lợi ích tối đa của việc niêm yết, mang lại thương hiệu cho doanh nghiệp, lợi ích cho nhà đầu tư.

PSI tư vấn cho các doanh nghiệp đã phát hành chứng khoán ra công chúng, công ty đại chúng có đủ điều kiện đăng ký niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội một cách bài bản và chuyên nghiệp, từ khâu khảo sát và xây dựng hồ sơ, nộp Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận, lập danh sách cổ đông và hỗ trợ cổ đông thực hiện quyền trong quá trình niêm yết, công bố thông tin đại chúng, lưu ký chứng khoán tại PSI và tái lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán với thời gian nhanh nhất và lựa chọn thời điểm tốt nhất cho doanh nghiệp

3. Phân tích và Phát triển chỉ số

- *Hoạt động phân tích*

Phân tích là hoạt động có vai trò quan trọng và hỗ trợ cho hầu hết các nghiệp vụ của công ty.

Tại thị trường Việt Nam, vấn đề nổi cộm đó là sự thiếu minh bạch và khó tiếp cận nguồn thông tin đã dẫn tới sự mất công bằng giữa các nhà đầu tư. Chính vì vậy việc cung cấp các sản phẩm phân tích kịp thời chính xác và toàn diện là vô cùng cần thiết

Hoạt động phân tích của PSI được xây dựng bởi đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc về các doanh nghiệp trong ngành dầu khí, cung cấp một chuỗi các sản phẩm phân tích đa dạng, đầy đủ nhưng vẫn đảm bảo tính cạnh tranh so với các CTCK. Với tôn chỉ đặt sự khách quan, trung thực, lợi ích và sự an toàn của Nhà đầu tư lên hàng đầu, PSI luôn mong muốn trang bị cho khách hàng những thông tin cần thiết trước khi ra quyết định đầu tư.

Các sản phẩm của chúng tôi bao gồm:

+ Sản phẩm phục vụ Nhà đầu tư: chúng tôi đã xây dựng được hệ thống báo cáo đầy đủ từ báo cáo kinh tế vĩ mô, báo cáo ngành, báo cáo phân tích các doanh nghiệp, v.v... nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Với tôn chỉ khách quan, cung cấp đầy đủ và kịp thời cho nhà đầu tư các thông tin hữu ích, các phân tích nhận định sự kiện quan trọng được cập nhật hàng ngày cho các khách hàng. Bên cạnh đó, đảm bảo tính cạnh tranh với thế mạnh là một đơn vị trong ngành dầu khí, hoạt động phân tích có chiều sâu và sự tập trung ở khu vực các doanh nghiệp trong ngành dầu khí và điều này cũng tạo nên điểm đặc thù của hoạt động phân tích PSI.

+ Sản phẩm phục vụ kinh doanh và quản trị rủi ro: PSI đã có những bộ sản phẩm đánh giá cảnh báo rủi ro thị trường, đánh giá phân tích các doanh nghiệp trong danh mục hỗ trợ margin, đảm bảo kịp thời với diễn biến thị trường, giảm thiểu rủi ro trong việc cung cấp các dịch vụ của công ty.

+ Sản phẩm phục vụ quản trị: hoạt động phân tích của PSI cung cấp cho ban lãnh đạo các sản phẩm phân tích kinh tế vĩ mô, các biến động kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng của các chính sách và dự báo diễn biến TTCK trong nước.

Chúng tôi còn thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trong ngành bằng các báo cáo chuyên sâu về hàng hóa hoặc thị trường đặc thù trong ngành dầu khí, tư vấn thực hiện tốt hoạt động IR cho một số doanh nghiệp trong ngành, phân tích của PSI dần dần đã và đang góp phần gây dựng hình ảnh cho công ty với các sản phẩm phân tích đặc thù, khác biệt và có sự cạnh tranh với các công ty chứng khoán khác.

Ngoài ra, bộ phận phân tích – tư vấn đầu tư còn cung cấp dịch vụ quan hệ nhà đầu tư (IR), và quan hệ công chúng (PR) cho các doanh nghiệp bao gồm:

- + Phát hành tạp chí thường niên về các Doanh nghiệp trong ngành
- + Tổ chức Hội thảo
- + Tổ chức các chuyến thăm Doanh nghiệp
 - **Hoạt động Phát triển chỉ số**

PSI là đơn vị phát triển Bộ chỉ số PVN-Index (gồm các công ty niêm yết trực thuộc Ngành Dầu khí) với đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước có nền tảng chuyên môn cao.

Chỉ số PVN-Index được quảng bá rộng rãi thông qua website PVNINDEX.VN (tiếng Việt và tiếng Anh) và Kênh thông tin tài chính Bloomberg cũng như các kênh thông tin về tài chính uy tín trong nước. Nhờ đó, chúng tôi đã xây dựng, quản lý và vận hành bộ chỉ số theo tiêu chuẩn quốc tế, là kênh thông tin của nhà đầu tư quan tâm đến nhóm cổ phiếu ngành dầu khí, và là cơ sở để chúng tôi cung cấp các dịch vụ xây dựng, quản lý và vận hành chỉ số đầu tư theo yêu cầu cho các quỹ đầu tư (quỹ ETF hoặc quỹ mở).

Mục tiêu: phát triển các chỉ số đa dạng phục vụ nhu cầu của các nhà đầu tư và phát triển các sản phẩm liên quan đến chỉ số.

Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và Bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty; quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định về việc tăng giảm vốn điều lệ Công ty; quyết định tổ chức và giải thể Công ty và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, bao gồm 4 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ không quá 5 năm. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Ban Kiểm soát

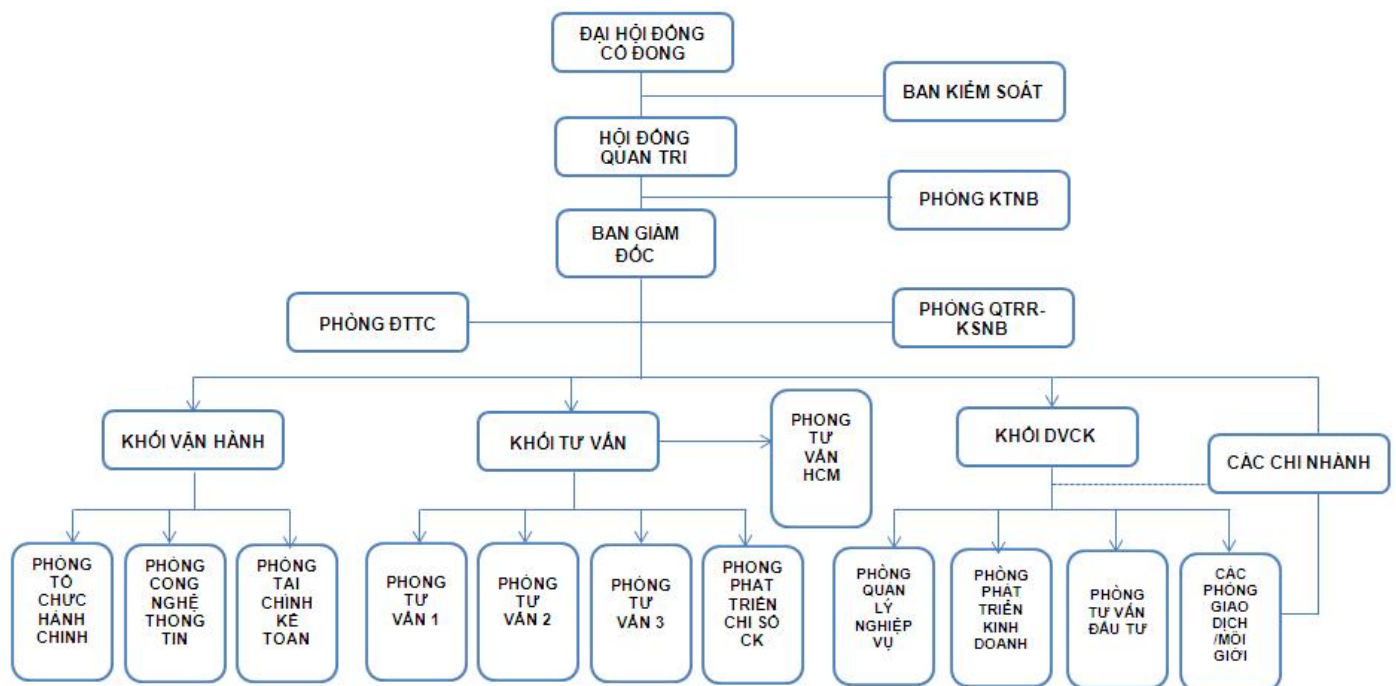
Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 5 năm. Ban Kiểm soát được ĐHĐCĐ giao thực hiện quyền giám sát Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại Hội đồng Cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, bao gồm 05 người: 01 Giám đốc và 04 Phó Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý

Năm 2016, công ty tập trung vào 03 khối: Khối Dịch vụ chứng khoán, Khối Tư vấn, Khối vận hành.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tầm nhìn	<ul style="list-style-type: none"> • Định hướng đặt ra cho PSI là sẽ trở thành nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán và dịch vụ ngân hàng đầu tư chuyên nghiệp, có uy tín hàng đầu tại Việt Nam. • Là đối tác tin cậy, điểm đến của các tổ chức tài chính trong và ngoài nước khi muốn đầu tư vào ngành Năng lượng tại thị trường Việt Nam
Sứ mệnh	<ul style="list-style-type: none"> • Tất cả các hoạt động cung cấp dịch vụ, các hoạt động quản lý nghiệp vụ, các giải pháp sáng tạo đều phải lấy khách hàng làm trung tâm, từ đó nâng cao chất lượng, xứng đáng là công ty dịch vụ tài chính hàng đầu trên thị trường Chứng khoán Việt Nam. • Năng lực tài chính vững mạnh đủ để cung cấp mọi nhu cầu từ phía khách hàng trên thị trường bằng các giải pháp tài chính nhanh gọn với mức phí hợp lý so với các đối thủ cạnh tranh. • Công nghệ hiện đại: xác định công nghệ là yếu tố then chốt trong hoạt động quản trị và phát triển sản phẩm phục vụ khách hàng, PSI sẽ sử dụng các công nghệ nhanh, mạnh nhất phù hợp với năng lực tài chính và nhu cầu của khách hàng. • Nguồn nhân lực chất lượng cao: PSI xác định sẽ thực hiện mục tiêu tuyển các nhân sự chất lượng cao giàu kinh nghiệm trên các lĩnh vực do PSI cung cấp, thực hiện các chương trình đào tạo nhằm nâng cao kiến thức, nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân sự đáp ứng nhu cầu của một công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam • Hiệu quả trong kinh doanh: PSI xác định nhiệm vụ nâng cao hiệu quả kinh doanh chính là phát huy tối đa các lợi thế sẵn có để mang lại lợi nhuận cho công ty, cán bộ nhân viên và lợi ích cho các cổ đông. • PSI cam kết thể hiện một nét văn hóa trân trọng và đáp ứng nhu cầu phát triển sự nghiệp lâu dài và quyền lợi chính đáng của tập thể nhân viên PSI
Định hướng trung và dài hạn	<ul style="list-style-type: none"> • PSI là công ty chứng khoán duy nhất thuộc ngành năng lượng, lấy nhóm khách hàng là các công ty, các cổ đông thuộc lĩnh vực dầu khí làm nền

	<p>tăng để cung cấp dịch vụ chứng khoán, từ đó xây dựng cơ chế chính sách thu hút các khách hàng mới thông qua hoạt động mở rộng mạng lưới môi giới, hoạt động bán lẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phát triển tương xứng với thương hiệu, tầm vóc của ngành Dầu khí, lấy ngành Dầu khí làm trọng tâm, tích lũy kinh nghiệm phục vụ khách hàng Nhà nước, tư nhân lớn khác, từng bước cạnh tranh với các công ty chứng khoán trong nước và vươn ra tầm khu vực. • Xác định đối tác chiến lược lâu dài là PVCombank, lấy PVCombank làm nền tảng cung ứng dịch vụ Ngân hàng đầu tư, hợp tác bán chéo sản phẩm, nhận hỗ trợ tối đa từ phía PVCombank trong hoạt động tiếp cận các khách hàng mục tiêu. • Trở thành CTCK TOP 15 về doanh thu vào năm 2020 tăng vốn tối thiểu 800 tỷ đồng đến hết năm 2018, 1500 tỷ cho giai đoạn 2019 – 2022 và đạt 2000 tỷ đến 2030 thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu, phát hành riêng cho các đối tác chiến lược (ưu tiên cho các PVcombank và các công ty thuộc PVN) và phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu thường để bổ sung thêm nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.
<p>Các Mục tiêu đối với Môi trường, Xã hội và Cộng đồng của Công ty</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần trách nhiệm cộng đồng đã được tích hợp đầy đủ vào mô hình kinh doanh của PSI. - Các Chính sách đối với cộng đồng của PSI dựa vào các nền tảng nhằm xác định các cách thức phù hợp nhất trong các giao dịch kinh doanh với tất cả các bên liên quan bao gồm: khách hàng, nhân viên và cộng đồng nói chung, nhằm mục tiêu hướng tới tương lai tốt đẹp hơn. <ul style="list-style-type: none"> • Đội ngũ nhân viên PSI hướng tới mục tiêu cung cấp môi trường tốt để làm việc, tuyển dụng được nhiều tài năng trong nhiều lĩnh vực công việc khác nhau, khuyến khích sự đột phá của mỗi cá nhân, tạo cơ hội công bằng, khuyến khích nhân viên tham gia vào mọi hoạt động công ty, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và chăm sóc sức khỏe tinh thần vật chất của nhân viên. • Khách hàng

PSI chú trọng tới việc mang lại sự hài lòng cho khách hàng mỗi ngày. Chúng tôi cam kết cải tiến liên tục trong hoạt động và tìm kiếm các giải pháp thông minh để đáp ứng nhu cầu khách hàng.

- **Đạo đức kinh doanh**

Công ty PSI đảm bảo rằng tất cả nhân viên phải tuân theo quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp

PSI tôn trọng pháp luật và quy định tại Việt Nam và nghiêm cấm bất kỳ hình thức tham nhũng nào. Sự liêm khiết, tính minh bạch và tăng cường hiệu suất làm việc thông qua đổi mới và quản lý nghiêm đang tiếp tục truyền cảm hứng cho hành động của chúng tôi.

Việc ban hành Quy tắc đạo đức nghề nghiệp tới toàn CBNV công ty nhằm quy định các quy tắc đạo đức kinh doanh của Công ty và quy tắc đạo đức hành nghề, từ đó điều chỉnh các hành vi của CBNV trong quá trình thay mặt Công ty thực hiện nhiệm vụ với mục đích bảo vệ tốt nhất quyền lợi của khách hàng, của Công ty và các đối tác, đồng thời góp phần xây dựng truyền thống văn hóa Công ty, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, nâng cao uy tín và tính chuyên nghiệp của Công ty trong hoạt động kinh doanh chứng khoán.

- **Môi trường**

Với mục đích cải thiện môi trường, PSI thực hiện quản lý dựa trên các tác động tới môi trường một cách trực tiếp và gián tiếp. Chúng tôi hiện đang tập trung vào một số vấn đề chính: kiểm soát tiêu thụ nước và năng lượng, giảm phát sinh chất thải và áp dụng thực hành tái chế.

- **Cộng đồng**

PSI luôn tuyển dụng nhân viên tại địa phương, qua đó cung cấp cơ hội việc làm cho nhiều gia đình địa phương. Chúng tôi trao quyền cho nhân viên của mình đóng góp tích cực vào cộng đồng địa phương, xúc tiến trao đổi thông tin hai chiều, tập trung vào các chương trình từ thiện và thiện nguyện.

CÁC RỦI RO

Rủi ro về Kinh tế

Rủi ro về kinh tế là một loại rủi ro hệ thống có tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, thông qua các cơ chế tác động đến tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất ngân hàng và tỷ giá hối đoái.

Theo Báo cáo Cập nhật tình hình phát triển Kinh tế Việt Nam công bố ngày 13/12/2016, Ngân hàng thế giới cho biết kinh tế Việt Nam đã ứng phó tương đối tốt trước những biến động của kinh tế thế giới và dự kiến sẽ có triển vọng tích cực trong trung hạn. Tuy nhiên WB cũng nêu rõ những rủi ro về Kinh tế trong nước như: Tốc độ tái cơ cấu chậm, Trì hoãn thực hiện thắt chặt tài khóa, Nguy cơ tăng trưởng tín dụng nóng, Rủi ro trong ngành ngân hàng, Môi trường bên ngoài bất ổn.

Hầu hết các doanh nghiệp trong nền kinh tế đều có những rủi ro liên quan đến những biến động bất lợi của nền kinh tế. Đặc biệt đối với các tổ chức hoạt động trên thị trường chứng khoán (TTCK) như các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư; công ty chứng khoán... sự biến động của nền kinh tế sẽ có ảnh hưởng tức thì tới sự thành bại của các công ty trong ngành.

Biến động về tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường chứng khoán. Trong thời kỳ nền kinh tế tăng trưởng tốt cùng với những triển vọng sáng sủa sẽ kéo theo sự tăng trưởng và phát triển của trường chứng khoán. Trong bối cảnh này, các nhà đầu tư, các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán đều được hưởng lợi. Tuy nhiên, nền kinh tế và thị trường chứng khoán không phải lúc nào cũng phát triển thuận lợi mà luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định. Khi có mối đe dọa đến sự ổn định và phát triển kinh tế, thị trường chứng khoán ắt sẽ có phản ứng tiêu cực, đó là sự suy giảm cả về chỉ số giá, cả về tính thanh khoản của thị trường.

Tăng trưởng GDP năm 2016 đạt 6,21%, thấp hơn mức 6,68% của năm 2015 và mục tiêu 6,3%-6,5% của Chính phủ đặt ra chủ yếu do suy giảm trong lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp khai khoáng. Mặc dù vậy, tăng trưởng quý IV cho thấy nền kinh tế đang có sự phục hồi kể từ quý III khi tăng trưởng GDP quý IV đạt 6,68% (yoy) cao hơn mức 6,56% của quý III. Bước sang năm 2017, nhiều dự báo cho thấy tăng trưởng kinh tế tiếp tục phát triển tốt hơn 2016 khi các yếu tố cơ bản đang hỗ trợ và đặc biệt là những nỗ lực quyết tâm của Chính phủ hướng tới là trở thành một Chính phủ kiến tạo và phục vụ thay vì điều hành nền kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính như trước đang lan tỏa và

phát huy tác dụng, thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng phát triển bền vững và mạnh mẽ hơn.

Hoạt động của các công ty chứng khoán sẽ được hưởng lợi khi nền kinh tế tiếp tục phát triển ổn định, các doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ, hiệu quả sản xuất kinh doanh được tăng lên, thu hút nguồn vốn đầu tư tham gia mạnh mẽ vào thị trường.

Rủi ro Lạm phát

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động rất tiêu cực đến thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Lạm phát cũng là một loại rủi ro hệ thống, do đó vượt ngoài phạm vi điều chỉnh của doanh nghiệp.

Lạm phát năm 2016 tăng 4,75% so với cuối năm 2015, đây là mức khá cao, chủ yếu do điều chỉnh giá dịch vụ y tế, giáo dục chiếm tới 3,5%. Lạm phát cơ bản (lạm phát có tính chất tiền tệ) vẫn ổn định ở mức 1,8 – 2,0%. Điều này cho thấy sức ép lạm phát là có thực trong năm 2017 cùng với sự hồi phục tăng giá trở lại của hàng hóa cơ bản từ giữa năm 2016.

Biện pháp phòng ngừa rủi ro là làm tốt công tác dự báo, tiên liệu các tình huống và chủ động trong hoạt động kinh doanh của mình, tránh bị ảnh hưởng do lạm phát gây ra. Để tránh rủi ro này, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đã có đội ngũ chuyên gia dự báo kinh tế vĩ mô để thường xuyên cập nhật các thông tin liên quan, phân tích, đánh giá khả năng lạm phát cao, để có chiến lược kinh doanh phù hợp. Thêm nữa, là đơn vị trong Ngành Dầu khí đi theo chiến lược của Tập đoàn Dầu khí, PSI có cơ hội tiếp cận với các nguồn số liệu và luồng thông tin đáng tin cậy cho công tác dự báo của mình.

Rủi ro Lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cũng như các nhà đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất đối với công ty chính là trường hợp giá cả chứng khoán thay đổi do lãi suất thị trường dao động thất thường. Giữa lãi suất thị trường và giá cả chứng khoán có mối quan hệ tỷ lệ nghịch.

Khi lãi suất thị trường tăng, Nhà đầu tư có xu hướng bán chứng khoán để lấy tiền gửi vào ngân hàng dẫn đến giá chứng khoán giảm và ngược lại.

Ngoài hệ quả trực tiếp đối với giá CK, lãi suất còn ảnh hưởng gián tiếp đến giá cổ phiếu (CP) thường. Khi lãi suất tăng làm giá CP giảm vì các nhà đầu cơ vay mua ký quỹ sẽ bị ảnh hưởng. Nhiều công ty kinh doanh CK hoạt động chủ yếu bằng vốn đi vay thì với mức lãi suất tăng cũng làm cho chi phí vốn tăng.

Về tổng thể, điều hành tiền tệ trong năm 2016 là khá linh hoạt và chặt chẽ khi Ngân hàng nhà nước vẫn theo sát mục tiêu ổn định lạm phát và thận trọng với mục tiêu này. Lãi suất cơ bản duy trì ổn định, cùng với đó, Ngân hàng Nhà nước đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện các biện pháp cân đối vốn, duy trì ổn định lãi suất huy động, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh, tạo cơ sở giảm lãi suất cho vay. Mặt bằng lãi suất năm 2016 được giữ ổn định, lãi suất cho vay phổ biến ở mức từ 6-9% đối với ngắn hạn, 9-11% đối với trung và dài hạn. Trong năm 2017, theo nhận định của nhiều chuyên gia, dưới sức ép của lạm phát gia tăng, mặt bằng lãi suất sẽ tăng nhẹ hoặc ít nhất là khó giảm.

Nhờ sự cố gắng trong công tác thu hồi công nợ từ những năm trước, trong năm 2015, Công ty Chứng khoán Dầu khí kinh doanh hoàn toàn trên vốn tự có, không phải huy động vốn do đó không chịu ảnh hưởng của lãi suất đầu vào. Tuy nhiên, lãi suất biến động cũng ảnh hưởng đến doanh thu dịch vụ tài chính cũng như lãi tiền gửi của công ty.

Rủi ro Tỷ giá Hối đoái

Công ty Chứng khoán Dầu khí ít bị tác động trực tiếp từ sự biến động tỉ giá. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh có thể bị ảnh hưởng ở một mức độ nhất định thông qua sự tác động đến thị trường chứng khoán.

Tỉ giá hối đoái tác động đáng kể đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán thông qua tác động tới các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán và sự di chuyển của các nguồn vốn đầu tư. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỉ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Nhiệm vụ công tác quản lý tỉ giá là bảo đảm sự ổn định tiền tệ và tỉ giá, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội.

Trong năm 2016, tỷ giá VND/USD diễn biến ổn định trong 10 tháng đầu năm sau khi Ngân hàng nhà nước áp dụng chính sách điều hành linh hoạt thông qua tỷ giá trung tâm. Trong 2 tháng cuối

năm, tỷ giá VND/USD căng thẳng trở lại khi FED chính thức tăng lãi suất và kỳ vọng kinh tế Mỹ tăng trưởng lạc quan cùng với những chính sách kích thích của tân Tổng thống Donald Trump. Tỷ giá VND/USD tại các ngân hàng thương mại thời điểm cuối năm 2016 ở mức 22,790 đồng. Trong năm 2017, nhiều khả năng USD sẽ tiếp tục tăng giá khi FED vừa mới tiếp tục tăng lãi suất thêm 0,25% và nền kinh tế Mỹ tiếp tục hồi phục vững chắc.

Công ty Chứng khoán Dầu khí có cổ đông chiến lược SMBC Nikko Nhật Bản, hiện tại phía Nhật Bản có 1 đại diện thường xuyên tại Công ty để phối hợp trong các hoạt động kinh doanh, đặc biệt là hoạt động M&A. Do đó, Công ty có nguồn thu tiền USD từ hoạt động thu chi hộ cho đại diện của cổ đông chiến lược, và nguồn thu JPY từ các hợp đồng M&A với các đối tác Nhật Bản. Đồng thời, hàng quý Công ty vẫn chuyển tiền trả USD hợp đồng dữ liệu Bloomberg để phục vụ hoạt động kinh doanh; tuy nhiên những khoản ngoại tệ này không lớn và được xử lý linh hoạt nên không có phát sinh nhiều về chênh lệch tỷ giá.

Rủi ro về Pháp luật

PSI hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, một lĩnh vực còn mới và nhạy cảm, có ảnh hưởng đến đời sống kinh tế xã hội. Hoạt động của công ty chứng khoán bị điều chỉnh trực tiếp bởi hệ thống các văn bản pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ ngành và các cơ quan chức năng liên quan. Do chứng khoán là một lĩnh vực mới ở Việt Nam nên hệ thống luật còn đang được thay đổi, bổ sung và hoàn thiện. Mặc dù Nhà nước đã ban hành và áp dụng một số chính sách bất lợi cho hoạt động kinh doanh như chính sách thuế thu nhập đối với hoạt động đầu tư, nhưng TTCK vẫn không giảm đi sự hấp dẫn, thanh khoản của thị trường vẫn gia tăng. Nhìn chung, loại rủi ro này thường ít xảy ra vì xu hướng chung là Nhà nước ngày càng ban hành các quy định pháp luật thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, hoạt động của PSI cũng như các doanh nghiệp khác trên thị trường chứng khoán chịu sự chi phối trực tiếp của hệ thống pháp luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Thuế.... Do vậy, ngoài rủi ro liên quan đến sự thay đổi, điều chỉnh các văn bản luật về lĩnh vực chứng khoán, còn tồn tại những rủi ro khác liên quan đến việc thiếu tính đồng bộ và nhất quán giữa Luật chứng khoán và các luật liên quan.

Để phòng chống rủi ro này, PSI luôn có bộ phận Pháp chế theo dõi, bám sát quá trình xây dựng các văn bản pháp luật để đón đầu cơ hội và phòng tránh trước rủi ro.

Ngoài rủi ro pháp lý về luật pháp nói chung, trong hoạt động của các công ty chứng khoán còn có loại rủi ro pháp lý phát sinh từ sự xung đột về quyền và lợi ích giữa Công ty và các đối tác hay khách hàng có thể gây những bất lợi cho Công ty. Để phòng tránh rủi ro, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí luôn có thái độ tôn trọng và chấp hành pháp luật một cách nghiêm túc. Công ty có các chuyên gia pháp lý giỏi, giàu kinh nghiệm trợ giúp cho Ban Lãnh đạo Công ty và các bộ phận, phòng ban của Công ty hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật, tháo gỡ những khó khăn về pháp lý có thể xảy ra trong quá trình hoạt động. Vì những lý do đó, Công ty có thể kiểm soát, hạn chế tối đa được loại rủi ro này.

Rủi ro Nguồn nhân lực

Trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, nhân tố con người có vai trò quyết định. Chứng khoán lại là một ngành kinh doanh mới nên nguồn nhân lực có kinh nghiệm còn rất thiếu. Do đó, nguồn nhân lực cũng là một yếu tố cạnh tranh khá mạnh. Trong điều kiện cạnh tranh khá gay gắt về nhân sự trong ngành chứng khoán, PSI vẫn đảm bảo sự ổn định và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, tinh thần đoàn kết, gắn bó với Công ty, và đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh ngày càng phát triển.

PSI luôn hướng đến một chế độ đãi ngộ dựa trên giá trị mà đội ngũ nhân viên PSI tạo ra cùng cơ sở hài hòa với lợi ích của công ty và quy định của nhà nước Việt Nam. Chế độ này thể hiện sự tôn trọng của PSI đối với mỗi nhân viên, đảm bảo nhân viên có thể an tâm tập trung phát triển sự nghiệp tại PSI để tiếp tục tạo ra và chia sẻ những giá trị mới.

Ngoài ra PSI cũng chú trọng tới việc đào tạo nhằm xây dựng nguồn Nhân lực có nền tảng kiến thức vững vàng. Trong năm 2016, PSI tập trung đẩy mạnh các khóa đào tạo về các nghiệp vụ Chứng khoán giúp nâng cao chất lượng nhân sự toàn công ty. Ngoài các khóa đào tạo phối hợp với Trung tâm đào tạo UBCKNN để tổ chức các lớp đào tạo chứng chỉ hành nghề, PSI còn tổ chức các buổi đào tạo nội bộ trao đổi về kiến thức, kinh nghiệm, hiểu biết với các sản phẩm, dịch vụ đang cung cấp, kiến thức ngành, các thay đổi liên quan đến khung pháp lý, môi trường kinh doanh, hoạt động kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam và kỹ năng trong công việc. .

Rủi ro về Cạnh tranh

Cạnh tranh là quy luật tất yếu trong nền kinh tế thị trường, nó luôn tồn tại trong bất cứ môi trường hoạt động kinh doanh nào. Theo thống kê của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí, tính đến thời

điểm hiện tại, từ 105 công ty chứng khoán nay chỉ còn 81 công ty chứng khoán đã được cấp phép và hoạt động. Tuy nhiên, cuộc cạnh tranh giành thị phần đang diễn ra khá gay gắt, cụ thể:

- Cuộc cạnh tranh về giảm mức phí dịch vụ nhằm thu hút khách hàng, giành thị phần;
- Cạnh tranh chiếm lĩnh địa bàn kinh doanh thuận lợi;
- Cạnh tranh về việc đầu tư, trang bị công nghệ thông tin hiện đại;
- Cạnh tranh trong việc sáng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới, hấp dẫn các nhà đầu tư;
- Cạnh tranh nhân sự có chất lượng cao...

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

DVT: tỷ đồng

STT	Khoản mục	Kế hoạch 2016 (ĐHCĐ)	Thực hiện			
			Năm 2016	% TH năm so với KH năm 2016	Năm 2015	% TH năm 2016 so với năm 2015
I	Tổng doanh thu	88.0	88.07	100.08%	95.37	92.35%
1	Doanh thu DVCK	50.5	56.0	110.90%	45.95	121.87%
1.1	Môi giới chứng khoán	17.5	17.66	100.90%	14.63	120.69%
1.2	Lưu ký chứng khoán	8	9.69	121.16%	10.40	93.18%
1.3	Dịch vụ Tài chính	25	28.65	114.60%	20.92	136.96%
2	Doanh thu đầu tư CK, góp vốn	7.0	5.50	78.60%	4.99	110.35%
3	Doanh thu Tư vấn	23.0	16.79	73.01%	27.96	60.05%
4	Doanh thu khác	7.5	9.78	130.36%	16.47	59.36%
II	Tổng chi phí	83.0	83.06	100.07%	95.07	87.37%
III	Lợi nhuận trước thuế	5.0	5.0	100.26%	0.30	

- Doanh thu năm 2016 là 88.07 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch ĐHCĐ năm. Trong đó:
 - + **Doanh thu hoạt động môi giới** năm 2016 là **17.66 tỷ đồng**, bằng **100.9%** kế hoạch năm, tăng trưởng **21.87%** so với cùng kỳ năm ngoái. **Doanh thu dịch vụ tài chính** năm 2016 là **28.65 tỷ đồng**, bằng **114.6%** so với kế hoạch năm, tăng **36.96%** so với cùng kỳ năm 2015. Đã có thời điểm thị phần của PSI đạt mức 1.7% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường, lọt top 20 công ty chứng khoán hàng đầu thị trường. Trong năm 2016, thị trường chứng khoán có rất nhiều biến động, nhiều công ty

chứng khoán cắt giảm margin đồng loạt gây ra hệ lụy lớn cho thị trường và PSI, PSI đã phải rất nỗ lực để giải quyết các vấn đề phát sinh nhằm thu hồi vốn và giảm thiểu rủi ro. Mặt khác, Khối DVCK cũng đã cố gắng mở rộng quan hệ với các khách hàng tổ chức lớn như SCIC, SIC, Tecombank Fund, Tienphong Bank, BaoViet Fund và đưa các cổ phiếu tốt về giao dịch để bù đắp thiếu hụt từ ảnh hưởng sideway của thị trường. Nhiều đơn vị trực thuộc Khối DVCK đã nỗ lực hoàn thành vượt mức kế hoạch. Cuối năm 2016 Khối Môi giới cũng đã thu thêm 5 tỷ đồng dư nợ gốc của nhóm khách hàng tại thành phố Hồ Chí Minh.

+ **Doanh thu lưu ký** năm 2016 là **9.69 tỷ đồng**, đạt **121.16%** kế hoạch năm. Doanh thu từ hoạt động lưu ký và quản lý cổ đông vẫn ổn định do PVN đã lưu ký một số mã cổ phiếu tại PSI và PSI vẫn có nguồn thu từ phí chuyển nhượng các mã cổ phiếu chưa niêm yết như PVcomBank, PVMachino, PVShipyards, Petrowaco....

+ **Doanh thu từ hoạt động tư vấn** năm 2016 là **16.79 tỷ đồng**, đạt **73.01%** so với kế hoạch năm. Trong năm 2016, PSI đã nỗ lực trong việc thực hiện các dịch vụ truyền thống với các hoạt động tư vấn quan trọng trong và ngoài Tập đoàn như tư vấn cổ phần hoá PVPower, Tư vấn thoái vốn Thủy điện Hòa Na, Tư vấn thoái vốn Petec, tư vấn tăng vốn cho Cảng Phước An, Tư vấn tìm cổ đông chiến lược cho các Nhà đầu tư Nhật Bản và Việt Nam như Mitsubishi Logistics mua cổ phiếu công ty giao vận tại Việt Nam, Nhà đầu tư Nhật Bản Kepco quan tâm mua cổ phiếu của PVPower, Assed mua cổ phiếu công ty sản xuất nước giải khát... Đồng thời, PSI đã dành nguồn lực để phát triển thêm mảng dịch vụ liên quan đến trái phiếu cho doanh nghiệp, phối hợp chặt chẽ với PVcomBank. Tuy nhiên, hoạt động tư vấn trong năm 2016 gặp rất nhiều khó khăn, đòi hỏi phải có sự nỗ lực rất lớn từ phía Ban Lãnh đạo và cán bộ nhân viên để có thể hoàn thành chỉ tiêu khách hàng đề ra, vì vậy doanh thu hoạt động này chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch.

+ **Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn** năm 2016 là **5.5 tỷ đồng**, đạt **78.6%** so với kế hoạch năm, trong đó cổ tức là 2.699 tỷ đồng, lãi bán chứng khoán 2.802 tỷ đồng. Trong năm 2016, hoạt động này cũng chưa hoàn thành nhiệm vụ đưa tỷ lệ đầu tư về đúng theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tuy nhiên, ngày 30.11.2016, PSI đã ký hợp đồng số 336A/PSI/LT về việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần Sopewaco tại công ty với giá chuyển nhượng bằng giá đầu tư.

+ **Doanh thu khác** năm 2016 đạt **9.78 tỷ đồng**, bằng **130.36%** kế hoạch năm. Doanh thu khác chủ yếu là lãi tiền gửi và doanh thu PVN-Index. Đầu năm 2016, công ty đã tận dụng nguồn

vốn nhàn rỗi do không sử dụng hết cho dịch vụ tài chính để tăng doanh thu từ hoạt động tiền gửi, và trong tháng 3.2016 PSI đã xuất hóa đơn cho các đơn vị trong ngành tham gia bộ chỉ số PVN Index. Doanh thu này sụt giảm so với năm 2015 là do trong Quý 1.2015 đã ghi nhận khoản doanh thu ủy thác qua PVIF gần 6.9 tỷ đồng.

- Lợi nhuận năm 2016 là **5 tỷ đồng**, đạt kế hoạch ĐHCĐ năm.
- Tổng chi phí trích lập dự phòng năm của PSI là **9.488 tỷ đồng**, vì vậy, lợi nhuận trước trích lập dự phòng của PSI năm 2016 là **14.5 tỷ đồng**.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính

- 10/2005 – 04/2007: Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng Công ty bảo hiểm Dầu Khí
- 6/2007 - 10/2007: Giám đốc Công ty bảo hiểm Dầu khí Thăng Long
- 10/2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam
- 04/2016 đến nay: : Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.

Bà Hoàng Hải Anh – Giám đốc

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán

- 7/2007 – 7/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí
- 8/2010 - 05/2013: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.
- 05/2013 – 03/2015: Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.
- 03/2015 – 04/2016: Chủ tịch Hội Đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí
- 04/2016 đến nay: Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.

Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Trưởng Ban Kiểm soát

Thạc sỹ Tài chính Kế toán, 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán và Kiểm toán.

- 12/2006 đến nay: làm việc tại Công ty CP Chứng khoán Dầu khí qua các chức vụ Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Xuân Hưng - Phó Giám đốc

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

- 8/2007 – 4/2009: Giám đốc Ban Đầu tư – Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

- 5/2009 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

Ông Trần Hùng Dũng - Phó Giám đốc

Tiến sỹ Kinh tế, 21 năm kinh nghiệm làm việc trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, trong đó có 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán.

- 2007 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

Ông Đặng Minh Quang - Phó Giám đốc

Tiến sỹ Quản trị kinh doanh, 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

- 2008 - 2010: Giám đốc kế hoạch chiến lược và phát triển hệ thống – Ngân hàng Bảo Việt.
- 04/2010 – 10/2013: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Quốc tế Sơn Hà.
- 11/2013 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.

Bà Thái Việt Anh - Phó Giám đốc

Thạc sỹ quản trị kinh doanh, 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp và chứng khoán.

- 2010 – 11/2014: Phó Giám đốc, Giám đốc tư vấn phụ trách tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- 12/2014 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

Bà Đinh Thị Lan Phương - Kế toán Trưởng

Cử nhân Kinh Tế - Ngành Tài chính Tín dụng, 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán ngành chứng khoán.

- 7/2010 : Phó Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Chứng khoán Dầu khí
- 23/08/2013 đến nay: Kế toán trưởng – Công ty CP Chứng Khoán Dầu khí

Những thay đổi trong Ban Quản trị

Tháng 04/2016: Bổ nhiệm Ông Nguyễn Anh Tuấn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Tháng 04/2016: Bà Hoàng Hải Anh tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Số lượng cán bộ nhân viên

Tính đến ngày **31/12/2016**, tổng số lượng Cán bộ nhân viên Công ty là **136 người** (không bao gồm 12 nhân viên Môi giới phát triển khách hàng), trong đó:

Trụ sở	104 người
Chi nhánh HCM	20 người
Chi nhánh Vũng Tàu	6 người
Chi nhánh Đà Nẵng	6 người

- **Kinh doanh:** 45 người
- **Quản lý:** 53 người

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn thực hiện năm 2016 là 5.5 tỷ đồng, tương ứng 78.6% so với kế hoạch năm, trong đó cổ tức là 2.699 tỷ đồng, lãi bán chứng khoán 2.802 tỷ đồng. Hoạt động đầu tư trong năm gặp khó khăn do Công ty không cân đối được nguồn cho hoạt động tự doanh theo kế hoạch ban đầu là 40 tỷ đồng. Mặc dù vậy, bằng sự nỗ lực cố gắng với nguồn vốn ít ỏi, PSI vẫn tiến hành tự doanh có lãi đạt tỷ suất lợi nhuận 28%. Do mục tiêu phát triển, ưu tiên chú trọng mảng dịch vụ, hoạt động tự doanh của PSI phần lớn tập trung vào quản lý danh mục đầu tư trước đây, do đó doanh thu tự doanh chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu tổng doanh thu và lợi nhuận toàn công ty.

Năm 2016 tiếp tục ghi nhận nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty trong việc cải thiện tình trạng tài sản đầu tư bằng cách tham gia sâu hơn hoạt động điều hành của doanh nghiệp đầu tư, tư vấn, tìm cách tháo gỡ để làm tăng thêm giá trị của doanh nghiệp.

- Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết:

Các hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn được xây dựng phương án đầu tư trên cơ sở phân tích dự báo tình hình thị trường và kinh tế trong, ngoài nước, sau đó tìm kiếm các cơ hội đầu tư phù hợp, trong đó các cơ hội đầu tư đều được đánh giá độc lập bởi bộ phận phân tích. Với đội ngũ chuyên gia phân tích am hiểu và giàu kinh nghiệm phân tích trong lĩnh vực dầu khí, PSI đã tìm kiếm được và thực hiện đầu tư thành công một số cơ hội đầu tư ngắn hạn là cổ phiếu dầu khí. Bên cạnh đó, so với năm trước 2015 thì năm nay Công ty đã thực hiện thêm nhiều khoản đầu tư ngắn hạn vào các mã cổ phiếu ngoài ngành và đạt được kết quả tích cực. Tổng kết lại, PSI đã đạt được tỷ suất lợi nhuận đầu tư 28% cao hơn so với VN-Index (14,82%) và so với chỉ số PVN 10 (3,09%).

Năm 2016, bối cảnh thế giới và Việt Nam có nhiều sự thay đổi đã tác động đến hoạt động đầu tư. Ảnh hưởng nhiều nhất tới hoạt động đầu tư niêm yết trong năm là tác động từ làn sóng hồi phục mạnh mẽ của giá hàng hóa cơ bản, đặc biệt là dầu thô. Giá dầu Brent giao ngay đã tăng từ thời điểm chạm đáy 27 USD/thùng đầu năm 2016 đến mức gần 55 USD/thùng tại thời điểm cuối năm 2016, tác động tâm lý tích cực tới các cổ phiếu niêm yết ngành dầu khí. Cùng với đó giá nhiều hàng hóa cơ bản khác như cao su thiên nhiên, đường, than đá... cũng đã góp phần tác động tích cực lên tâm lý thị trường nói chung. Đối với tình hình thế giới, sự kiện Brexit và Donald Trump trúng cử tổng thống Mỹ là những sự kiện tương đối bất ngờ tuy nhiên đã không có tác động gì tiêu cực tới thị trường chứng khoán toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Nhìn chung năm 2016 khối ngoại bán ròng mạnh nhưng diễn biến chỉ số tích cực, các nhóm ngành tăng giá nổi bật trong năm gọi tên ngành Thép, Vật liệu xây dựng, Dầu khí, Cao su thiên nhiên, Dược phẩm, Mía đường...

- Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán chưa niêm yết:

Ngay từ đầu năm 2016, Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo công ty tiếp tục xác định nhiệm vụ trọng tâm cơ cấu lại danh mục đầu tư chứng khoán chưa niêm yết, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư, giảm tỷ lệ đầu tư chứng khoán chưa niêm yết xuống theo quy định cho phép. Ban Lãnh đạo đã thực hiện nhiều phiên họp, lập ra tổ công tác thực hiện cơ cấu danh mục đầu tư chứng khoán chưa niêm yết, xây dựng các phương án thực hiện trong năm.

Nhằm tăng cường vai trò giám sát, quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, PSI đã cử 7 nhân sự chủ chốt tham gia vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của các doanh nghiệp trong danh mục đầu tư nhằm tăng cường vai trò giám sát, quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Bộ phận chức năng theo dõi các khoản đầu tư tài chính chưa niêm yết liên tục giữ mối liên hệ với các doanh nghiệp, chủ động cập nhật thông tin kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các thay đổi trong quản trị công ty, báo cáo định kỳ hàng tháng về các biến động, đưa ra các đề xuất, khuyến nghị để Ban lãnh đạo có những quyết định kịp thời với các khoản đầu tư.

Năm 2017, với sự phát triển chung của thị trường, sự chủ động trong hoạt động đầu tư, hy vọng hoạt động cơ cấu lại danh mục sẽ đạt được những kết quả tốt hơn, đảm bảo kế hoạch kinh doanh của công ty.

- **Các khoản đầu tư lớn:** Tính đến thời điểm cuối năm 2016, tổng giá trị danh mục đầu tư đạt 244,2 tỷ đồng. Trong đó khoản đầu tư cổ phiếu OTC là 171,3 tỷ đồng, khoản đầu tư cổ phiếu niêm yết đạt 22,8 tỷ đồng, khoản ủy thác đầu tư đạt 50,1 tỷ đồng.
- **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm		% tăng giảm
	2015	2016	
<i>Tổng giá trị tài sản</i>	1,120,244,943,117	640,484,163,329	-42,83%
<i>Doanh thu thuần</i>	95,371,707,494	88,078,245,810	-7,65%
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	183,087,739	5,824,097,308	3081,04%
<i>Lợi nhuận khác</i>	121,426,817	(812,403,961)	-769,80%
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	304,514,556	5,011,693,347	1545,80%
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	304,514,556	5,011,693,347	1545,80%
<i>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức</i>	-	-	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm		Ghi chú
	2015	2016	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2.10	16.69	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
<u>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</u>	2.10	16.69	Không có hàng tồn kho
<u>Nợ ngắn hạn</u>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.47	0.06	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.87	0.06	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			Không có hàng tồn kho
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.00	0.06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.00	0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.00	0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.00	0.06	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU**Cổ phần****Số cổ phần đang lưu hành 59.841.300 cổ phần****Số cổ phần tự do chuyển nhượng 59.841.300 cổ phần****Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng 0 cổ phần****Cơ cấu cổ đông**

STT	Tên cổ đông	Vốn góp tại 31/12/2016		
		Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ
1	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	17,055,889	170,558,890,000	28.50%
2	SMBC Nikko Securities Inc.	8,916,300	89,163,000,000	14.90%
3	CT TNHH MTV QLQ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	13,173,785	131,737,850,000	22.01%
4	CTCP Đầu tư Tài chính Thành Việt	7,500,000	75,000,000,000	12.53%
5	CTCP Hồng Ngân	3,231,700	32,317,000,000	5.40%
6	Các cổ đông khác	9,963,626	99,636,260,000	16.65%
	Cộng	59,841,300	598,413,000,000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Mua	Bán	Cuối kỳ	Tỷ lệ
Nikko Cordial Securities Inc.	8,916,300	14.90%			8,916,300	14.90%
Công ty cổ phần đầu tư tài chính Thành Việt	7,500,000	12.53%			7,500,000	12.53%
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	13,162,885	22.00%	10,900		13,173,785	22.01%
Ngân hàng TM Cổ phần Đại chúng Việt Nam	5,644,289	9.43%				
			494,500		6,138,789	10.26%
			4,079,200		10,217,989	17.08%
			6,837,900		17,055,889	28.50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	4,037,900	6.75%		4,037,900	0	0.00%
CTCP Đầu tư Tài Chính Công Đoàn Dầu Khí Việt Nam	4,000,000	6.68%		4,000,000	0	0.00%
Công ty Cổ phần Hồng Ngân	3,231,700	5.40%			3,231,700	5.40%

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành kế hoạch Đại hội cổ đông cả về doanh thu và lợi nhuận, trong đó hoàn thành mọi chỉ tiêu ở mảng Dịch vụ Chứng khoán, riêng mảng Tư vấn và Đầu tư Tài chính chưa hoàn thành kế hoạch năm. Tổng doanh thu năm 2016 thấp hơn doanh thu năm 2015, tuy nhiên, lợi nhuận năm 2016 cao hơn năm 2015.

Đối với mảng Tư vấn: năm 2015 ghi nhận 27.96 tỷ đồng là do trong năm ghi nhận doanh thu từ hợp đồng tìm kiếm cổ đông chiến lược với Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với giá trị 16.2 tỷ đồng, giá trị các hợp đồng còn lại chỉ là 11.76 tỷ đồng. Trong năm 2016 không có hợp đồng nào có giá trị lớn như hợp đồng với BIC nhưng công ty vẫn ghi nhận được 16.79 tỷ đồng doanh thu.

Đối với mảng Đầu tư Tài chính: doanh thu trong năm 2015 là 4.99 tỷ đồng gồm 2.93 tỷ đồng từ cổ tức và 2.06 tỷ đồng từ lãi bán chứng khoán. Doanh thu năm 2016 là 5.5 tỷ đồng trong đó cổ tức là 2.699 tỷ đồng, lãi bán chứng khoán 2.802 tỷ đồng.

Những cải tiến đạt được

Chỉ tiêu An toàn tài chính tại ngày 31.12.2016 của Công ty là 244% trên mức yêu cầu tối thiểu (180%) theo quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước. Ngoài ra, Công ty cũng ghi nhận một số công việc sau:

Mảng Dịch vụ Chứng khoán:

- Giải quyết hết các tồn đọng từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn và giảm nợ xấu từ hợp đồng hợp tác đầu tư, thu về khoảng 6.3 tỷ đồng trong năm 2016.

Mảng Đầu tư Tài chính:

- Chủ động trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và đầu tư ngắn hạn nhằm lành mạnh hóa tài chính, nâng cao chất lượng tài sản
- Tăng cường quản trị các doanh nghiệp trong danh mục đầu tư OTC, cử người tham gia trực tiếp vào HĐQT, Ban Điều hành để nắm bắt thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, phục hồi và phát triển

Mảng Tư vấn:

- Ngày 6-7/10/2016, PSI đã tổ chức cho gần 30 nhà đầu tư tổ chức tới thăm và làm việc với các doanh nghiệp trong Bộ chỉ số PVN Index như PVS, DCM, PVT, NT2 để cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh cũng như tìm kiếm cơ hội đầu tư tại các doanh nghiệp.
- Tham gia tích cực và được đánh giá cao trong Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, thành viên đại diện của PSI cũng được mời tham gia với vai trò thư ký cho Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Châu Á. Đây là lợi thế khẳng định thương hiệu của PSI trong giới các Công ty chứng khoán của Việt Nam và Châu Á.

Mảng quản lý:

- Ngay từ đầu năm 2016, PSI đã thực hiện cơ cấu, tuyển dụng nhân sự chủ chốt phù hợp với tình hình kinh doanh năm. Đồng thời xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm của năm cũng như hoàn thiện hệ thống giao KPI đến từng cán bộ.
- Ngày 2.2.2016, Trung tâm chứng nhận phù hợp Quacert đã gửi Quyết định số 659/QĐ-Quacert về việc cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 cho Công ty.
- Công ty CP Chứng khoán Dầu khí vinh dự lọt Top 5 công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn niêm yết và đấu giá năm 2015 do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) công bố.
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được vinh danh Thương hiệu tiên phong hội nhập kinh tế Quốc tế tại chương trình giao lưu Dấu ấn Doanh nghiệp – Thương hiệu tiêu biểu – Doanh nhân công hiến 2015 do Đài tiếng nói Việt Nam Việt Nam tổ chức.
- Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 tổ chức ngày 26.4.2016 đã thông qua việc đề cử ông Nguyễn Anh Tuấn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty và là người đại diện trước Pháp luật và ban hành lại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.
- Công ty đã hoàn thiện việc thay đổi nhân sự chủ chốt và sửa đổi các quy trình, quy chế phù hợp với các thay đổi Pháp luật và yêu cầu kinh doanh của công ty, phân công lại công việc trong Ban Điều hành.

- Trong cuộc thi Báo cáo thường niên năm 2016 do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Báo Đầu tư Chứng khoán và Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital tổ chức, PSI đã vinh dự được lọt vào top 50 công ty có báo cáo thường niên tốt nhất.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tài sản của công ty nằm khá nhiều tại danh mục đầu tư chứng khoán OTC. Trong năm 2016, công ty đã rất nỗ lực tìm kiếm các cơ hội thoái vốn, tăng cường quản trị các doanh nghiệp trong danh mục đầu tư OTC, cử người tham gia trực tiếp vào HĐQT, Ban Điều hành để nắm bắt thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, phục hồi và phát triển. Tuy nhiên, với thị trường gần như đóng băng như hiện nay thì việc thực hiện hiện thực hóa các kế hoạch vẫn chưa thực hiện được. Ngày 30.11.2016, PSI đã ký hợp đồng số 336A/PSI/LT về việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần Sopewaco tại công ty với giá chuyển nhượng bằng giá đầu tư, tuy nhiên hợp đồng này kết thúc vào cuối năm 2018.

Tình hình nợ phải trả

Trong năm 2016, công ty chủ động hoàn toàn về nguồn vốn nên không phát sinh khoản vay nào, do đó không chịu ảnh hưởng bởi biến động lãi suất trên thị trường.

Công ty tuân thủ các quy định về trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu khó đòi, trong năm công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo đúng quy định của Pháp luật.

Công ty có cổ đông chiến lược SMBC Nikko (Nhật Bản) nên đối tác cử chuyên gia biệt phái làm việc tại Công ty, do đó Công ty có phát sinh nguồn thu USD từ các khoản SMBC Nikko trả chi phí cho chuyên gia thông qua công ty. Công tác quản lý bộ chỉ số PVN Index cho Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam phát sinh chi phí thanh toán USD với đối tác Bloomberg, tuy nhiên, những khoản tiền này không lớn nên tác động của chênh lệch tỷ giá đối với PSI là không đáng kể.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Về cơ cấu tổ chức:

Trong năm 2016, về cơ bản Công ty vẫn triển khai cơ cấu tổ chức theo mô hình hoạt động 03 Khối với phân công công việc chuyên biệt và nhiệm vụ rõ ràng:

Khối Dịch vụ Chứng khoán	Bao gồm các hoạt động Môi giới lưu ký, các dịch vụ tài chính, quản lý cổ đông, tư vấn đầu tư
Khối Tư vấn	Bao gồm các hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành, phân tích và phát triển chỉ số
Khối Vận hành	Bao gồm các hoạt động Tổ chức nhân sự, hành chính, tài chính kế toán và tin học.

Đồng thời, cơ cấu tổ chức trong ty có những thay đổi chính so với cơ cấu tổ chức năm 2015 như sau:

- Thực hiện thay đổi cơ cấu tổ chức các bộ phận phòng ban:

- Sáp nhập Ban chiến lược và hợp tác cổ đông chiến lược – Hội đồng quản trị vào bộ phận kế hoạch của Phòng Tài chính kế toán.
- Phòng Đầu tư tài chính tách ra khỏi Khối Vận hành và là Phòng độc lập trực thuộc Ban Điều hành. Việc tách Phòng Đầu tư tài chính ra khỏi Khối Vận hành nhằm đảm bảo tăng cường hiệu quả hoạt động đầu tư và đảm bảo tính nhanh chóng, chính xác trong việc đề xuất, quyết định đầu tư, tránh phải xin ý kiến phê duyệt từ nhiều cấp.
- Phòng Phát triển Chỉ số chứng khoán tách ra khỏi Khối Vận hành và trở thành Phòng trực thuộc Khối Tư vấn. Xét về tính chất công việc, hoạt động của Phòng Phát triển chỉ số là độc lập và nằm ngoài phạm vi công việc của Khối Vận hành, song lại bám sát cùng công việc của Khối Tư vấn. Do đó, việc nhập vào Khối Tư vấn tạo điều kiện cho Phòng có thể triển khai các công việc liên quan đến các Dự án từ các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí.

- Thực hiện thay đổi tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức nhân sự:

Công ty đã thực hiện tái cấu trúc về hoạt động cũng như nhân sự: Bộ máy cơ cấu tổ chức Công ty gọn nhẹ, thu hẹp cắt bỏ những đơn vị hoạt động kém hiệu quả. Song song với việc tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức Công ty đã thực hiện mạnh tái cấu trúc nhân sự theo đó cắt giảm những nhân sự không phù hợp, điều chuyển sắp xếp nhân sự trong nội bộ các đơn vị phù hợp. Cũng theo đó, Công ty đã xây dựng bộ tiêu chuẩn chức danh, mô tả công việc của từng vị trí, cơ chế trả lương trả thưởng hệ thống đánh giá tương thích với mô hình cơ cấu tổ chức cũng như đặc thù hoạt động của các đơn vị.

VỀ CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về mặt chính sách quản lý, Đại Hội đồng Cổ đông năm 2016 đã thông qua bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014, các Thông tư sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thành lập và hoạt động của Công ty chứng khoán. Căn cứ vào các nội dung sửa đổi này, trong năm 2016, Hội đồng Quản trị cũng tiến hành sửa đổi một loạt các quy trình, quy chế có liên quan như: Quy chế tài chính, Quy chế hoạt động dịch vụ tài chính, Quy chế hoạt động đầu tư... Đồng thời, cũng ban hành sửa đổi nội dung Phân công công việc trong Ban Giám đốc cho phù hợp với phân cấp tại các quy chế, và một số các sửa đổi khác tại các quy định có liên quan.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2017

Dự báo Kinh tế Việt Nam năm 2017

Dự báo kinh tế Việt Nam từ World Bank, Ngân hàng phát triển Châu Á, HSBC tăng trưởng GDP của Việt Nam có thể đạt 6,3 – 6,5%. Lạm phát được Ủy ban giám sát Tài chính Quốc gia dự báo ở mức tối đa 5%. Tình hình sản xuất công nghiệp, khai khoáng, nhu cầu tiêu thụ, bán lẻ được dự đoán tiếp tục cải thiện và tăng so với cùng kỳ 2016, tín dụng tiếp tục tăng trưởng. Tỷ giá có thể tăng 2 – 4% do ảnh hưởng từ lộ trình tăng lãi suất của FED.

Thị trường chứng khoán năm 2017 được dự báo sẽ có nhiều diễn biến tích cực, tuy nhiên vẫn có những rủi ro nhất định từ yếu tố vĩ mô bên ngoài, cùng với dư địa hẹp dần trong việc điều hành chính sách tài khóa, lãi suất. Một số ảnh hưởng từ yếu tố vĩ mô bên ngoài có thể ảnh hưởng đến thị trường khoán trong năm 2017 dự kiến như sau:

Giá hàng hóa cơ bản tăng gây ảnh hưởng tới mục tiêu lạm phát.

Lộ trình tăng lãi suất của FED: Trong giai đoạn 2012-2015, xu hướng mua ròng từ khối ngoại vẫn là chủ đạo và đóng góp tích cực trong việc gia tăng giá trị cũng như thanh khoản thị trường. Tuy nhiên, kể từ khi Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) chính thức tăng lãi suất lên mức 0.75% tại thời điểm hiện, đã ảnh hưởng không nhỏ tới thị trường chứng khoán. Theo đó, trong năm 2016 khối ngoại đã thực hiện bán ròng hơn 355 triệu USD. Năm 2017 đứng trước nhiều biến động từ tình hình kinh tế thế giới, áp lực từ việc FED công bố kế hoạch nâng lãi suất 3 lần với mỗi lần tăng 0.25% sẽ khiến dòng vốn ngoại rút khỏi những thị trường biên, hạn chế lượng vốn đầu tư nước ngoài và Việt Nam cũng nằm trong các nước chịu ảnh hưởng.

Biến động chính trị: Trong năm 2016, hai sự kiện lớn trên thế giới đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của kinh tế Việt Nam bao gồm sự kiện Brexit và bầu cử Tổng thống Mỹ. Đồng bảng Anh và Euro rơi xuống những mức thấp nhất trong lịch sử, qua đó ảnh hưởng trực tiếp tới sức cạnh tranh và giá trị xuất khẩu của Việt Nam. Trong năm 2017, 3 cuộc bầu cử lớn ở Pháp, Đức và Hà Lan sẽ diễn ra, và có thể sẽ lại một lần nữa ảnh hưởng tới nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng.

Trong trường hợp không phát sinh các yếu tố ảnh hưởng bất ngờ, TTCK năm 2017 nhiều khả năng biến động theo chiều hướng ổn định, phân hóa và sàng lọc với nhiều nhóm cổ phiếu có khả năng thu hút như sau:

Các cổ phiếu lớn mới niêm yết với kế hoạch thoái vốn của nhà nước sẽ tiếp tục thu hút sự chú ý tuy nhiên nếu thanh khoản không cải thiện thì tầm ảnh hưởng chỉ dừng lại ở mức đóng góp điểm số.

Theo đà hồi phục của hàng hóa thế giới và xu hướng bảo hộ thương mại trong nước thì nhiều ngành như Thép, Dầu khí, Cao su, Dầu khí ... sẽ tiếp tục được hưởng lợi.

Những cổ phiếu có mức lợi tức cao, các ngành có tiềm năng tăng trưởng ổn định, dài hạn, các cổ phiếu đầu ngành, có định giá hấp dẫn sẽ tiếp tục là động lực dẫn dắt thị trường.

Các doanh nghiệp phục vụ tiêu dùng trong nước cũng có cơ hội đáng chú ý như bán lẻ, vật liệu, đồ uống, dược phẩm, dịch vụ hàng không...

Tuy vậy vẫn có một số trường hợp cổ phiếu đã niêm yết một thời gian hoặc mới lên sàn tăng giá mạnh thu hút dòng tiền không từ sự đánh giá về cơ bản và sau đó là quá trình suy giảm nhanh về giá xuất hiện nhiều hơn gồm các cổ phiếu của doanh nghiệp có vấn đề về quản trị và tài chính, tăng vốn nhanh để niêm yết, tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch thấp và dễ đẩy giá. Kết hợp với tình trạng margin cao, khi có biến động về lãi suất hoặc thị trường, các cổ phiếu trên thường giảm rất mạnh gây rủi ro cho cả nhà đầu tư và công ty chứng khoán.

Kế hoạch kinh doanh năm 2017

Căn cứ theo năng lực hiện tại và định hướng phát triển trong tương lai, PSI đã đưa ra kế hoạch kinh doanh năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

STT	Khoản mục	Kế hoạch 2016 (ĐHCĐ)	Thực hiện năm 2016	KẾ HOẠCH 2017	% kế hoạch 2017 so với 2016
I	Tổng doanh thu	88.0	88.08	100.0	114%
1	Doanh thu DVCK	50.5	55.10	64.5	117%
1.1	Môi giới chứng khoán	17.5	17.66	20.0	113%
1.2	Lưu ký chứng khoán	8.0	8.38	9.5	113%
1.3	Dịch vụ Tài chính	25.0	29.10	35.0	120%
2	Doanh thu đầu tư CK, góp vốn	7.0	5.50	5.0	91%
3	Doanh thu Tư vấn	23.0	16.79	23.0	137%
4	Doanh thu khác	7.5	10.65	7.5	70%
II	Tổng chi phí	83.0	83.06	95.0	114%
III	Lợi nhuận trước thuế	5.0	5.0	5.0	100%

Hoạt động dịch vụ chứng khoán

Doanh thu dịch vụ chứng khoán năm 2017 dự kiến là **64.5 tỷ đồng**, tăng **16.98%** so với thực hiện năm 2016, trong đó, doanh thu môi giới chứng khoán tăng 16.98%, doanh thu dịch vụ tài chính tăng **20.27%**. Kế hoạch này được xây dựng trên cơ sở dự đoán thị trường chứng khoán trong năm 2017 sẽ tăng nhẹ nhưng không đột biến so với năm 2016 và lãi suất dịch vụ tài chính tương tự so với năm 2016.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu đầu tư chứng khoán góp vốn dự kiến là **5 tỷ đồng** trên nguồn vốn dự kiến dành cho đầu tư tự doanh là **23 tỷ đồng**. Do hiện trạng danh mục đầu tư của Công ty có tỷ trọng cao là OTC nên công ty cân nhắc cẩn trọng trong việc dành nguồn lực vốn cho tự doanh để đảm bảo tỷ trọng nguồn phân bổ cho hoạt động đầu tư hợp lý so với hoạt động dịch vụ tài chính. Vì vậy, doanh thu đầu tư năm 2017 được đặt mục tiêu khiêm tốn và tập trung vào việc cải thiện chất lượng danh mục đầu tư.

Chủ trương năm 2017 của PSI là (i) Tiếp tục tập trung cơ cấu lại các khoản đầu tư; (ii) Không đầu tư mạo hiểm; (iii) Tận dụng cơ hội thị trường để tiếp tục giảm tổng giá trị danh mục đầu tư, thoái vốn danh mục tồn đọng, đảm bảo an toàn tài chính chung.

Hoạt động tư vấn:

Doanh thu tư vấn kế hoạch năm 2017 là **23 tỷ đồng**, bằng **136.97%** so với thực hiện năm 2016, bằng với kế hoạch ĐHCĐ năm 2016.

Trong năm 2017, Công ty kỳ vọng các đề án tái cấu trúc các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016-2020 sẽ được Chính phủ phê duyệt và triển khai. Do đó, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu củng cố vai trò tư vấn cho các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước trong giai đoạn này. Ngoài ra, Công ty tiếp tục phát triển hoạt động tư vấn M&A, củng cố đội ngũ để phối hợp chặt chẽ với SMBC Nikko trong việc phục vụ nghiên cứu đầu tư và Việt Nam của các doanh nghiệp Nhật Bản.

Hoạt động khác

Doanh thu hoạt động khác năm 2017 kế hoạch là **7,5 tỷ đồng**, bằng **70.44%** thực hiện năm 2016 do nguồn tiền sẽ được sử dụng tối đa cho dịch vụ tài chính.

Chi phí và lợi nhuận

Kế hoạch chi phí năm 2017 là **95 tỷ đồng**, bằng **114.38%** so với thực hiện năm 2016. Công ty dự kiến kế hoạch chi phí vẫn đảm bảo tiết kiệm, chi phí không cao hơn so với thực hiện năm 2016. Tuy nhiên Công ty dự kiến sẽ dành phần chi phí còn lại để dùng nguồn trích lập dự phòng để đảm bảo thận trọng và tạo điều kiện thực hiện công tác thoái vốn.

Lợi nhuận năm 2017 dự kiến là 5 tỷ đồng, sau khi trích lập dự phòng.

Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Xin xem ý kiến của Kiểm toán đính kèm

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá chung về thị trường, trong bối cảnh kinh tế thế giới hồi phục khó khăn, nhiều rủi ro, kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu cải thiện cả ở góc độ sản xuất kinh doanh cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa bền vững, phục hồi không đều, tăng trưởng dựa nhiều vào khu vực FDI. Trong khi đó, khu vực nông nghiệp, khai khoáng và rất nhiều lĩnh vực dịch vụ khác đang có dấu hiệu đi xuống, công cuộc cải cách, tái

cấu trúc nền kinh tế vẫn còn dang dở. Cục diện kinh tế chính trị quốc tế diễn ra ngoài dự đoán làm tăng tính bất định, tác động tiêu cực đến việc đầu tư, kinh doanh, tiêu dùng.

Thị trường chứng khoán năm 2016 đã khép lại, đánh dấu 20 năm hình thành và phát triển; các chỉ số chứng khoán đều tăng điểm nhưng với giới đầu tư, năm 2016 được xem là năm đầy biến cố. Những cú sốc bất ngờ có thể kể đến như giá dầu giảm xuống mức 24 USD/thùng, thị trường chứng khoán Trung Quốc dừng giao dịch ngày 1/4, nước Anh bỏ phiếu thông qua việc rời khỏi EU (Brexit) ngày 24/6, kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ ngày 9/11... tác động mạnh đến thị trường chứng khoán Việt Nam, dẫn đến hoạt động bán tháo, đơn cử phiên giao dịch ngày 24/6, VNIndex có lúc đã sụt giảm 5,47%. Hay phiên giao dịch ngày 9/11, VNIndex có lúc giảm sâu hơn 3%. (Năm 2016, VN Index chốt ở mức 664,87 điểm, HNX Index đạt 79,95 điểm, UPCoM cũng đạt 53,65 điểm và VNXALL đạt 945,5 điểm).

Kết thúc năm 2016, PSI ghi nhận doanh thu đạt 88,08 tỷ đồng và lợi nhuận đạt 5 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Đặc biệt, doanh thu DVCK tăng trưởng hơn 20% so với 2015, đã có thời điểm thị phần PSI đạt 1,7%, nằm trong top 20 CTCK trên thị trường. Hoạt động tư vấn trong ngành giảm sút do nhu cầu đã bão hòa, hoạt động đầu tư tài chính có sự thay đổi định hướng hoạt động là tập trung xử lý tồn tại của danh mục đầu tư cũ, do đó kết quả của hai mảng hoạt động này chưa đạt kế hoạch đã đề ra.

Đánh giá của HĐQT đối với từng hoạt động cụ thể

Mảng Dịch vụ Chứng khoán:

Trong năm 2016, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn từ thị trường, nguồn vốn... Khối DVCK vẫn có những kết quả kinh doanh khả quan và hoàn thành kế hoạch được giao. Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của lãnh đạo Khối DVCK nói riêng cùng toàn thể nhân viên Khối DVCK.

Trong thời gian tới, Khối DVCK cần tiếp tục đẩy mạnh hoạt động môi giới nhằm tăng trưởng đột phá về doanh thu phí, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ để từng bước đạt được mục tiêu chiếm được thị phần trong top 20 Công ty chứng khoán trên thị trường.

Mảng Đầu tư Tài chính:

Đối với mảng đầu tư tài chính, Công ty đã có một số khắc phục trong việc tăng cường quản trị các doanh nghiệp trong danh mục đầu tư OTC, cử người tham gia trực tiếp vào HĐQT, Ban Điều hành để nắm bắt thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, phục hồi và phát triển; Trong thời gian

tới, bên cạnh mục tiêu kinh doanh thì trọng tâm của hoạt động đầu tư tài chính là tập trung xử lý danh mục đầu tư OTC.

Mảng Tư vấn:

Mảng tư vấn đang mất dần vị thế, doanh thu tư vấn và thị phần có dấu hiệu giảm sút, nguyên nhân do nhu cầu tư vấn trong ngành đã bão hòa, trong thời gian tới PSI cần thay đổi định hướng hoạt động tư vấn, đẩy mạnh tư vấn các đơn vị ngoài ngành để lấy lại vị thế là Công ty chứng khoán có doanh thu phí tư vấn hàng đầu trên thị trường.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của Ban Giám đốc đảm bảo hoạt động của Công ty được minh bạch, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua:

- Tham dự và có ý kiến trực tiếp trong các cuộc họp của Ban Giám đốc.
- Hội đồng quản trị xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Giám đốc. Từ đó, Hội đồng quản trị có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Giám đốc đáp ứng các yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Thông qua các tiểu ban giúp việc để tham gia, giám sát trực tiếp các hoạt động và nâng cao tính tuân thủ của Ban Giám đốc.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Năm 2017, HĐQT sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện các mục tiêu sau:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh 2017 được Đại hội đồng cổ đông giao;
- Hoàn thành việc xây dựng chiến lược cho PSI cho giai đoạn 2017 – 2022 và tầm nhìn đến 2030; Tận dụng lợi thế là đơn vị trong ngành Dầu khí, tiến tới đưa PSI chiếm thị phần trọng yếu trong lĩnh vực năng lượng với mục tiêu nằm trong top 15 Công ty chứng khoán đến năm 2020.
- Tạo dựng cho mình một phân khúc thị trường riêng với hình ảnh mới năng động, chuyên nghiệp và chuyên biệt trên nền tảng là con người, công nghệ và chất lượng dịch vụ.

- Tận dụng thế mạnh của Cổ đông chiến lược SMBC Nikko và Ngân hàng mẹ PVcomBank để giúp PSI phát triển nhanh và mạnh với chức năng Ngân hàng đầu tư.
- Xây dựng Văn hóa doanh nghiệp của PSI; Đào tạo bổ sung nhân sự cấp cao có kinh nghiệm, trình độ và tâm huyết cho PSI;
- Xây dựng các cơ chế đặc thù để phát triển nhanh, mạnh trọng điểm phía Nam và trọng điểm Dầu khí.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
01	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
02	Bà Hoàng Hải Anh	UV.HĐQT chuyên trách kiêm Giám đốc Công ty
03	Ông Trịnh Thế Phương	UV.HĐQT kiêm nhiệm
04	Ông Đào Quốc Bảo	UV.HĐQT kiêm nhiệm

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của Ban Điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty được minh bạch, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của các thành viên HĐQT trong năm:

- **Ông Nguyễn Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT:**

Với tư cách Chủ tịch HĐQT, Ông Nguyễn Anh Tuấn đã triệu tập, chủ trì và chỉ đạo các phiên họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung lấy ý kiến HĐQT trong năm 2016; Giám sát, chỉ đạo và hỗ trợ hoạt động của Ban Điều hành và các đơn vị kinh doanh. Trực tiếp chủ trì các

cuộc họp của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính, Hội đồng đầu tư, Hội đồng tuyển dụng nhân sự cấp HĐQT, Hội đồng thi đua khen thưởng,... trực tiếp chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển 5 năm 2017 – 2022 của PSI; Hỗ trợ PSI làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước (Bộ Công thương, Tập đoàn Dầu Khí QG Việt Nam; Tập đoàn Điện lực, Than – khoáng sản v.v...) để thực hiện được các mục tiêu chiến lược đã đề ra; là cầu nối giữa PSI và Ngân hàng mẹ Pvccombank đẩy mạnh hợp tác trong việc xây dựng các sản phẩm mới; bán chéo các sản phẩm, dịch vụ hiện có; và giới thiệu khách hàng tiềm năng.

- **Bà Hoàng Hải Anh – Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty:**

Với tư cách thành viên HĐQT, Bà Hoàng Hải Anh đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham mưu và cho ý kiến biểu quyết các nội dung xin ý kiến HĐQT. Với vai trò Giám đốc Công ty, Bà Hoàng Hải Anh đã có hỗ trợ, chỉ đạo trên các mảng hoạt động thường xuyên của Công ty, trực tiếp phụ trách hoạt động Đầu tư, Quản trị rủi ro, Kiểm toán nội bộ và tham gia các tiểu ban trực thuộc HĐQT: Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính, Hội đồng đầu tư.

- **Ông Trịnh Thế Phương – Ủy viên HĐQT:**

Với tư cách thành viên HĐQT, Ông Trịnh Thế Phương đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham mưu và cho ý kiến biểu quyết các nội dung xin ý kiến HĐQT; Tham mưu về pháp lý cho các phương án kinh doanh, các vấn đề về quản trị doanh nghiệp; Phổ biến quy định pháp luật của Nhà nước có liên quan đến hoạt động của PSI.

- **Ông Đào Quốc Bảo – Ủy viên HĐQT:**

Với tư cách thành viên HĐQT, Ông Đào Quốc Bảo đã hỗ trợ PSI xây dựng các mối quan hệ với các Đơn vị trong và ngoài ngành để thúc đẩy hoạt động kinh doanh, tham mưu cho HĐQT trong các phương án kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

Năm 2016, HĐQT PSI đã quyết liệt và sát sao trong công tác quản trị, giám sát hoạt động, thể hiện qua số lượng các cuộc họp, nghị quyết ban hành và các nội dung được thông qua. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp trực tiếp (trong đó có 04 phiên họp thường kỳ); Ban hành 41 Nghị quyết/Quyết định; Trong đó có những nội dung quan trọng như: Thay đổi cơ cấu tổ chức, cơ cấu chức danh của PSI, sửa đổi phân công công việc trong Ban Giám đốc, Sửa đổi và ban hành Quy chế Quản lý tài chính, Quy chế hoạt động đầu tư, Quy chế hoạt động dịch vụ tài chính, Quy chế về công tác quản lý nhân sự và chế độ chính sách,... Nhiều nội dung quan trọng được đưa ra bàn thảo

và đang trong quá trình xây dựng như: chủ trương đầu tư nâng cấp phần mềm giao dịch tại PSI tiến thẳng tới hiện đại; xây dựng chiến lược phát triển 5 năm phù hợp với điều kiện và tình hình mới đưa PSI trở thành Công ty chứng khoán mạnh, chuyên biệt trong ngành năng lượng, khai khoáng.

HỘI ĐỒNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HĐQT

Phòng Kiểm toán nội bộ

- Thẩm định và có ý kiến về tính pháp lý và tính tuân thủ trong công tác xây dựng các quy trình, quy chế, quy định của Công ty;
- Tiến hành các hoạt động kiểm tra đối với hoạt động của các đơn vị trong công ty trong phạm vi chức năng của Kiểm toán Nội bộ;
- Có ý kiến về tính pháp lý và tính tuân thủ của các đề xuất, tờ trình của Ban Điều hành và các đơn vị ra trước HĐQT, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Chính sách dịch vụ khi có yêu cầu;
- Phối hợp cùng Phòng Tài chính Kế toán làm đầu mối làm việc cùng Kiểm toán độc lập thẩm định Báo cáo Tài chính Quý, Bán niên, Năm của Công ty. Thẩm định và có ý kiến đối với BCTC hoặc khi có quan điểm khác với Kiểm toán độc lập;
- Thực hiện các chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT trong việc kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, dự án đầu tư của PSI hoặc của các Doanh nghiệp mà PSI là cổ đông lớn và có cử Người đại diện;
- Duy trì việc xem xét đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT;
- Giám sát và đánh giá hoạt động của Quản trị rủi ro trong toàn hệ thống;
- Cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo nghiệp vụ nhằm đảm bảo hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của Kiểm toán nội bộ.

Hội đồng chính sách dịch vụ

- Phê duyệt phương pháp tính danh mục; Phê duyệt điều chỉnh danh mục ký quỹ; giao dịch ký quỹ trọng tâm theo từng thời kỳ;
- Phê duyệt chính sách lãi suất; chính sách khách hàng; chính sách ưu đãi cho các khách hàng mới theo đề xuất của Chi nhánh và phù hợp với từng thời kỳ;
- Quyết định thành lập các Tổ công tác thực hiện mục tiêu xây dựng sản phẩm mới và phát triển

chính sách marketing cho Khối DVCK;

- Thông qua phương án tách danh mục làm hai loại: Danh mục ký quỹ cơ bản và danh mục ký quỹ bổ sung;
- Xem xét đề nghị của các Chi nhánh về việc giải ngân cho vay đối với danh mục các cổ phiếu cụ thể theo đề xuất của các Chi nhánh;
- Xem xét phê duyệt triển khai sản phẩm đánh giá đối với quyền đã được thực hiện trên tài khoản; Xem xét phương án triển khai chức năng hệ thống đối với cổ phiếu phong tỏa.

Hội đồng đầu tư

- Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư trong năm;
- Phê duyệt các phương án đầu tư trên cơ sở xem xét điều kiện đầu tư, nguồn vốn, quản trị rủi ro và giám sát khoản đầu tư.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát hiện nay gồm 03 thành viên, cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Trưởng ban kiểm soát (Chuyên trách);
- Ông Bùi Thế Anh - Thành viên Ban kiểm (Không chuyên trách);
- Bà Phạm Thu Thủy - Thành viên Ban kiểm soát (Không chuyên trách).

Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Tổng kết các cuộc họp trong năm:

- ✓ Phiên họp thứ nhất (26/04/2016) - Nội dung các quyết định:
 - Thông báo kết quả Đại hội đồng cổ đông năm 2016 của PSI.
 - Ban Kiểm soát thảo luận và thống nhất thông qua việc triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát năm 2016.
- ✓ Phiên họp thứ hai (17/03/2017) - Nội dung các quyết định:
 - Tổng kết đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2016.

- Thông qua phân công thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2016 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Thông qua kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2017.
- Thông qua các công việc khác có liên quan đến Ban kiểm soát năm 2017.

2. Công tác kiểm soát trong năm 2016:

- ✓ Đã thẩm định Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, của Ban Giám đốc năm 2015, đã trình ĐHĐCĐ thường niên ngày 26/04/2016.
- ✓ Trong năm 2016 Ban kiểm soát đã kết hợp với Bộ phận QTRR-KSNB và Phòng KTNB thực hiện 03 cuộc kiểm tra về các mặt hoạt động nghiệp vụ Môi giới, Dịch vụ tài chính đối với các Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, và Phòng DVCK.
- ✓ Kiểm tra công tác hạch toán kế toán nội bộ năm 2016 giữa Hội sở và các Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Đà Nẵng và giữa các chi nhánh với nhau
- ✓ Cùng Bộ phận quản trị rủi ro đã rà soát và đề nghị chỉnh sửa toàn bộ các quy chế, quy trình nghiệp vụ liên quan đến thay đổi mô hình hoạt động của Công ty.
- ✓ Phối hợp cùng với các bộ phận liên quan, tham gia xây dựng các quy trình, quy chế liên quan đến hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ của Công ty theo quy định mới của UBCKNN.
- ✓ Phối hợp với Bộ phận QTRR-KSNB và Phòng KTNB, thực hiện công tác kiểm tra, rà soát để đôn đốc các đơn vị bộ phận về khắc phục những kiến nghị của khối kiểm soát.

3. Công tác kiểm soát năm 2017:

Trên cơ sở nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, kế hoạch kinh doanh của công ty, Ban kiểm soát lập kế hoạch hoạt động trong năm 2017 như sau :

- Tiếp tục thực hiện công tác giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2017.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2017, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông năm 2018.
- Tập trung kiểm tra, rà soát hoạt động môi giới chứng khoán tại các Chi nhánh Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, Vũng tàu và Phòng DVCK;
- Kiểm tra công tác hạch toán kế toán nội bộ năm 2017 giữa Hội sở và các Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Đà Nẵng và giữa các chi nhánh với nhau
- Kiểm tra, giám sát các danh mục đầu tư tự doanh và nhận ủy thác đầu tư năm 2017 của công ty
- Tiếp tục thực hiện kiểm tra, rà soát việc khắc phục các tồn tại, hạn chế, rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện rà soát các văn bản, chế độ, quy trình nghiệp vụ và đề xuất sửa đổi cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị trong và ngoài công ty trong việc theo dõi và xử lý theo thẩm quyền về các khiếu nại của cổ đông và khách hàng.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Chức danh	Số thành viên	Quỹ thù lao năm 2016			
			Không hoàn Thành KH	Hoàn thành 100% KH	Hoàn thành trên 100% KH	Thực hiện
	Đại diện của PVComBank		1,159,896,000	1,379,496,000	1,645,896,000	1,167,680,000
1	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	1	60,000,000	60,000,000	60,000,000	60,000,000
2	UV HĐQT chuyên trách kiêm Giám đốc	1	562,680,000	724,680,000	886,680,000	566,680,000
3	UV HĐQT chuyên trách (Đoàn Thành Nhân)	1	90,600,000	90,600,000	90,600,000	90,600,000

4	UV HĐQT kiêm nhiệm	1	48.000.000	48.000.000	48.000.000	48.000.000
5	UV HĐQT kiêm nhiệm (Nguyễn Việt Hà)	1	12.000,000			12.000,000
6	Trưởng BKS chuyên trách	1	362,616,000	432,216,000	536,616,000	366,400,000
7	TV BKS kiêm nhiệm	1	24,000,000	24,000,000	24,000,000	24,000,000
	Đại diện các cổ đông		120,000,000	120,000,000	120,000,000	108,000,000
1	UV HĐQT kiêm nhiệm	2	96,000,000	96,000,000	96,000,000	84,000,000
2	TV BKS kiêm nhiệm	1	24,000,000	24,000,000	24,000,000	24,000,000
	Tổng cộng		1,278,896,000	1,499,496,000	1,765,896,000	1,275,680,000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

CÁC GIAO DỊCH KHÁC

Không có

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đã thực hiện theo quy định pháp luật và các quy định nội bộ của PSI.

Trên cơ sở tuân thủ Luật Chứng khoán 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010), Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định nội bộ, Công ty đã thực hiện các quy định về quản trị Công ty, cụ thể như sau:

- Tuân thủ các quy tắc về quản trị Công ty theo Luật Doanh nghiệp 2014 và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, và nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát: Tổ chức họp Hội đồng quản trị theo định kỳ tối thiểu 01 lần/Quý; Thực hiện xin ý kiến Hội đồng quản trị đối với các vấn đề trong phạm vi thẩm quyền bằng nhiều hình thức (lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp lấy ý kiến); đảm bảo đủ tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp và đảm bảo đủ các tỷ lệ thông qua các Quyết định và Nghị quyết của Hội đồng quản trị; thực hiện soạn thảo và ban hành các Biên bản và Nghị quyết Hội đồng quản trị theo đúng thể thức và đúng thời hạn theo quy

định pháp luật và quy định nội bộ; thực hiện Công bố thông tin đúng hạn và kịp thời đối với các nội dung cần công bố theo quy định của pháp luật về Công bố thông tin.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống phân quyền, ủy quyền: trên cơ sở các quy định pháp luật và quy định từ Ngân hàng Mẹ, Công ty đã hoàn thiện việc xây dựng hệ thống phân quyền, ủy quyền rõ ràng, phù hợp và minh bạch nhằm đảm bảo các thẩm quyền ký kết của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị, đảm bảo thẩm quyền hoạt động và ký kết của các Phó Giám đốc phụ trách các mảng dịch vụ chứng khoán, tư vấn và vận hành. Ngoài ra, để đảm bảo các hoạt động trong từng thời kỳ phát triển cụ thể của Công ty, các văn bản này cũng được chỉnh lý và bổ sung cần thiết, phân công lại các hoạt động trong Ban Giám đốc và thay đổi các ủy quyền cần thiết.
- Hoàn thiện lại các quy trình, quy chế thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị: sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý tài chính, Quy chế hoạt động đầu tư, Quy chế hoạt động dịch vụ tài chính phù hợp với Điều lệ Công ty sau khi sửa đổi và thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2016 và định hướng hoạt động mới.
- Ban hành các Nghị quyết quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty: quyết định việc cử các đại diện vốn góp của Công ty tham gia vào quản trị và kiểm soát tại các công ty thành viên và các công ty có vốn góp; đưa ra các yêu cầu và các quyết định liên quan đến đầu tư tài chính, thoái vốn các khoản đầu tư OTC và các quyết định trích lập dự phòng nhằm cân đối tài chính của Công ty; quyết định các chính sách liên quan đến việc miễn lãi cho khách hàng, giải quyết các khoản đầu tư tồn đọng của các khách hàng từ các giai đoạn trước, lành mạnh hóa tình hình tài chính của Công ty và các nội dung khác...

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Xin xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 đính kèm)

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán).

**Xác nhận của Đại diện theo Pháp luật của Công ty
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1 - 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 - 4

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

5 - 8

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

9 - 10

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

11 - 13

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

15 - 40



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016)
Bà Hoàng Hải Anh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016)
	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016)
Ông Trịnh Thế Phương	Ủy viên
Ông Đào Quốc Bảo	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016)
Ông Trương Quốc Dũng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016, miễn nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2016)
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2016)
Ông Đoàn Thành Nhân	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2016)
Ông Takahiro Yazawa	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2016)
Ông Bùi Thế Anh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Sinh Dũng Thăng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016, miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016)

Ban Giám đốc

Bà Hoàng Hải Anh	Giám đốc
Ông Trần Hùng Dũng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Phó Giám đốc
Ông Đặng Minh Quang	Phó Giám đốc
Bà Thái Việt Anh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán được Bộ tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán được Bộ tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Hải Anh
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2017, từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán được Bộ tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới các vấn đề sau đây:

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 - "Tình hình trích lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính" phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản tài chính sẵn sàng để bán của Công ty bao gồm các khoản đầu tư và ủy thác quản lý danh mục đầu tư với giá trị sổ sách là 227.608.056.244 đồng. Căn cứ trên cơ sở thông tin thu thập được từ các báo giá của ba công ty chứng khoán, Công ty đã trích lập 6.200.000.000 đồng dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC). Công ty đã thận trọng đánh giá và tin tưởng rằng thông tin trên các báo giá thu thập được đã phản ánh thông tin về giao dịch trên thị trường của các khoản đầu tư này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 - "Các khoản phải thu" phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư các khoản phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 35.000.000.000 đồng phải thu một nhóm các nhà đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng các lô đất tại thành phố Hồ Chí Minh (Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất này) và một số tài sản khác với tổng giá trị 40.388.405.934 đồng để đảm bảo khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường, tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao và Công ty có thể kiểm soát và thanh lý tài sản để thu hồi nợ, đồng thời giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu này. Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý khả năng thu hồi khoản phải thu nêu trên sẽ phụ thuộc vào tình hình tài chính, khả năng thanh toán của nhà đầu tư cũng như khả năng xử lý tài sản đảm bảo của nhà đầu tư và Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Khúc Thị Lan Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Tuấn Linh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2014-001-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		617.256.707.891	1.095.926.695.737
I. Tài sản tài chính	110		611.880.168.085	1.089.493.425.328
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	97.045.292.907	573.359.656.094
1.1. Tiền	111.1		16.945.292.907	569.109.656.094
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		80.100.000.000	4.250.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7	30.728.161.393	27.942.875.634
3. Các khoản cho vay	114	7	213.332.950.999	193.605.522.064
4. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	7	227.608.056.244	239.258.139.707
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	9	(14.138.078.713)	(8.247.063.404)
6. Các khoản phải thu	117	10	10.487.697.860	10.004.013.130
6.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	61.941.300
6.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		10.487.697.860	9.942.071.830
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	13.088.024.570	5.564.210.384
8. Các khoản phải thu khác	122	10	43.676.471.911	54.456.995.193
9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(9.948.409.086)	(6.450.923.474)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		5.376.539.806	6.433.270.409
1. Tạm ứng	131		1.846.106.000	2.107.241.069
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		158.947.309	188.184.311
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		596.393.024	631.246.871
4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	279.157.617
5. Tài sản ngắn hạn khác	137		2.984.093.473	3.436.440.541
6. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		(209.000.000)	(209.000.000)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		23.227.455.438	24.418.247.380
I. Tài sản cố định	220		1.106.042.831	1.442.704.188
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	487.640.602	993.092.108
- Nguyên giá	222		18.295.040.030	17.706.829.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(17.807.399.428)	(16.713.737.722)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	618.402.229	449.612.080
- Nguyên giá	228		14.549.492.695	14.029.653.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(13.931.090.466)	(13.580.041.615)
II. Tài sản dài hạn khác	250		22.121.412.607	22.975.543.192
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		1.767.779.710	1.662.029.710
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		10.873.471.128	12.525.137.628
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	14	9.480.161.769	8.788.375.854
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		640.484.163.329	1.120.344.943.117

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	
			Số cuối năm	(Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	300		37.083.246.960	521.955.720.095
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		36.982.774.218	521.855.247.353
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		940.696.266	969.245.951
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320		44.261.788	656.918.346
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		351.026.645	140.156.645
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322		1.142.058.014	1.744.923.128
5. Phải trả người lao động	323		19.156.148	897.328.483
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		495.804.299	435.018.456
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		926.186.719	677.008.310
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	15	33.082.401.416	516.307.865.111
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		(18.817.077)	26.782.923
II. Nợ phải trả dài hạn	340		100.472.742	100.472.742
1. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		90.000.000	90.000.000
2. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho Nhà đầu tư	355		10.472.742	10.472.742
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		603.400.916.369	598.389.223.022
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	603.400.916.369	598.389.223.022
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		665.852.970.360	665.852.970.360
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		598.413.000.000	598.413.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		67.439.970.360	67.439.970.360
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		3.375.291.013	3.375.291.013
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		3.364.941.013	3.364.941.013
4. (Lỗ) chưa phân phối	417		(69.192.286.017)	(74.203.979.364)
4.1. (Lỗ) đã thực hiện	417.1		(69.192.286.017)	(74.203.979.364)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)	440		640.484.163.329	1.120.344.943.117

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	1.614.441	1.385.876
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
Số lượng chứng khoán			
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	1.573.521.691	1.532.549.960
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1	1.520.965.386	1.499.993.239
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2	26.261.660	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3	23.404.678	24.404.678
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4	35.927	5.544.209
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5	2.854.040	2.607.834

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

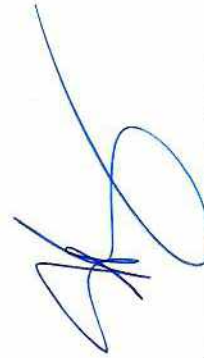
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)			
1. Tiền gửi của khách hàng	026	225.367.043.907	160.702.998.641
1.1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	027	210.672.870.941	158.628.463.725
1.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	14.694.172.966	2.074.534.916
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1	14.237.380.126	1.694.373.145
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2	456.792.840	380.161.771
2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	225.283.651.332	160.597.450.451
2.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1	224.826.858.492	160.217.288.680
2.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2	456.792.840	380.161.771
3. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	83.392.575	105.548.190



Trần Thị Minh Hiền
Người lập biểu

Ngày 23 tháng 3 năm 2017



Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Hoàng Hải Anh
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	
			Năm nay	(Trình bày lại)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		4.656.204.997	2.885.464.300
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>	<i>17</i>	<i>2.802.633.807</i>	<i>1.961.931.583</i>
<i>b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>	<i>18</i>	<i>1.853.571.190</i>	<i>923.532.717</i>
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	18	29.102.695.683	20.176.060.476
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	18	397.918.987	9.190.612.628
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		17.658.238.469	14.631.034.826
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		47.770.454	76.123.732
1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		16.792.430.789	27.964.409.703
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		8.383.694.158	7.294.438.449
1.8. Thu nhập hoạt động khác	11		5.966.853.135	7.221.787.418
Cộng doanh thu hoạt động (20=01+03+04+06+07+08+09+11)	20		83.005.806.672	89.439.931.532
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		885.944.028	883.022.117
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.1</i>	<i>17</i>	<i>885.944.028</i>	<i>883.022.117</i>
2.2. Chi phí hoạt động tự doanh	26		1.031.705.408	766.075.779
2.3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		21.450.840.017	18.385.097.661
2.4. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		10.469.645.253	21.928.254.555
2.5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		8.597.081.750	7.716.829.341
2.6. Chi phí các dịch vụ khác	32	19	11.471.192.213	11.240.161.555
Cộng chi phí hoạt động (40=21+26+27+29+30+32)	40		53.906.408.669	60.919.441.008
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		5.420.778	32.870.871
2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		5.067.018.360	5.898.905.091
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41+42)	50		5.072.439.138	5.931.775.962
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		6.412.818	2.419.469
Cộng chi phí tài chính (60=51)	60		6.412.818	2.419.469

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	20	28.341.327.015	34.266.759.278
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)	70		5.824.097.308	183.087.739
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
1. Thu nhập khác	71		1	139.381.292
2. Chi phí khác	72		812.403.962	17.954.475
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80		(812.403.961)	121.426.817
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)	90		5.011.693.347	304.514.556
1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		5.011.693.347	304.514.556
IX. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90)	200		5.011.693.347	304.514.556
X. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	501	21	84	5

Trần Thị Minh Hiền
Người lập biểu

Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Hoàng Hải Anh
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		5.011.693.347	304.514.556
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		8.101.811.101	11.224.666.695
- Khấu hao TSCĐ	03		964.800.357	2.220.147.959
- Các khoản dự phòng	04		9.388.500.921	11.005.756.236
- Dự thu tiền lãi	08		(2.251.490.177)	(2.001.237.500)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		13.113.504.448	11.529.181.251
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(2.785.285.759)	(27.833.375.066)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(19.727.428.935)	(45.950.675.938)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		11.650.083.463	25.473.799.055
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		61.941.300	(61.941.300)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(186.087.620)	(12.821.972.944)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(7.523.814.186)	(1.574.256.216)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		10.780.523.282	38.589.086.186
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		2.394.385.639	(1.111.164.733)
- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho người bán	45		(612.656.558)	-
- (+) Tăng, (-) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47		(602.865.114)	(143.660.856)
- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác	50		(483.825.676.025)	483.097.907.119
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		(105.750.000)	2.489.750.290
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(458.228.298)	(1.076.557.617)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(477.827.354.363)	470.606.119.231

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(628.139.000)	(62.800.000)
2. Tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		2.141.130.176	10.119.568.679
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		1.512.991.176	10.056.768.679
III. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90		(476.314.363.187)	480.662.887.910
IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101		573.359.656.094	92.696.768.184
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	102		573.359.656.094	92.696.768.184
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	102.1		569.109.656.094	75.396.768.184
- Các khoản tương đương tiền	102.2		4.250.000.000	17.300.000.000
V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103		97.045.292.907	573.359.656.094
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	104		97.045.292.907	573.359.656.094
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	104.1		16.945.292.907	569.109.656.094
- Các khoản tương đương tiền	104.2		80.100.000.000	4.250.000.000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		4.285.171.962.500	3.635.213.379.200
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(3.734.942.523.000)	(3.102.820.097.300)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng (*)	07		(476.210.925.075)	(542.804.170.035)
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(9.354.469.159)	(5.080.024.408)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		64.664.045.266	(15.490.912.543)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng				
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	30		160.702.998.641	176.193.911.184
- Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		160.702.998.641	176.193.911.184
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		158.628.463.725	140.664.891.576
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		2.074.534.916	35.529.019.608
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng				
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	40		225.367.043.907	160.702.998.641
- Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		225.367.043.907	160.702.998.641
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		210.672.870.941	158.628.463.725
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		14.694.172.966	2.074.534.916

(*) Thể hiện chênh lệch ròng giữa số tiền nộp vào và rút ra từ các tài khoản tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán trong năm.



Trần Thị Minh Hiền
Người lập biểu

Ngày 23 tháng 3 năm 2017



Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Hoàng Hải Anh
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 04-CTCK**Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

Số tăng/giảm

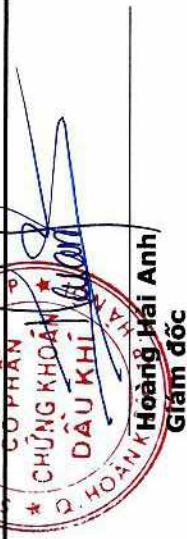
CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Năm trước		Năm nay		Số dư cuối năm	
	Năm trước (Trình bày lại)	Năm nay (Trình bày lại)	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Năm trước (Trình bày lại)	Năm nay
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu								
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	598.413.000.000	598.413.000.000	-	-	-	-	598.413.000.000	598.413.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	67.439.970.360	67.439.970.360	-	-	-	-	67.439.970.360	67.439.970.360
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	3.375.291.013	3.375.291.013	-	-	-	-	3.375.291.013	3.375.291.013
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3.364.941.013	3.364.941.013	-	-	-	-	3.364.941.013	3.364.941.013
4. (Lỗ) chưa phân phối	(73.610.093.920)	(74.203.979.364)	304.514.556	(898.400.000)	5.011.693.347	-	(74.203.979.364)	(69.192.286.017)
4.1. (Lỗ) đã thực hiện	(73.610.093.920)	(74.203.979.364)	304.514.556	(898.400.000)	5.011.693.347	-	(74.203.979.364)	(69.192.286.017)
Cộng	598.983.108.466	598.389.223.022	304.514.556	(898.400.000)	5.011.693.347		603.400.916.369	603.400.916.369



Trần Thị Minh Hiền
Người lập biểu



Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Hoàng Hải Anh
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng với các cổ đông chiến lược khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103014903 ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Ngày 18 tháng 02 năm 2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 598.413.000.000 đồng.

Ngày 21 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 148 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 149 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Công ty thực hiện theo Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 và Điều 14 Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

- đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh,
- e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh,
- g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tối đa trong thời hạn một (01) năm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 334") do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Thông tư 210 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016; Thông tư 334 có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2016 và áp dụng cho năm tài chính từ năm 2016. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại cho mục đích so sánh do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016. Thông tư 210 và Thông tư 334 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 Thông tư 210 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng các Thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi thanh toán của Công ty.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là số tiền của công ty chứng khoán để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại phát sinh sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản tài chính FVTPL trên Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động hoặc các khoản đầu tư mà giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy thì được ghi nhận theo giá gốc.

Chênh lệch đánh giá lại phát sinh trong năm được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán" thuộc "Thu nhập (lỗ) toàn diện khác sau thuế TNDN" trên Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

Theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các nguyên tắc và phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý chỉ được áp dụng khi Luật Kế toán cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý. Công ty sẽ áp dụng các nguyên tắc kế toán theo giá trị hợp lý khi Luật Kế toán cho phép.

Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá tài sản tài chính

Việc trích lập dự phòng các tài sản tài chính FVTPL và AFS được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn của Bộ Tài chính. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty trích lập dự phòng dựa trên giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch đến ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty trích lập dự phòng căn cứ vào giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.

- Đối với hoạt động hợp tác đầu tư, dự phòng giảm giá được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc đối với từng hợp đồng hợp tác đầu tư, phù hợp với điều kiện thị trường chứng khoán tại thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá tài sản tài chính được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi thực thu.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản thu nhập khác. Doanh thu khác được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí trích lập dự phòng giảm giá tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay và phải thu, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán bao gồm chi phí hoạt động tự doanh, chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn và các chi phí hoạt động khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty bao gồm chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

0100
CỔ
TRÁCH
ĐE
VII
TỔNG

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

112
NỘI
NHIỆ
LO
T
7A

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Tiền mặt tại quỹ	107.147.877	154.453.150
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	16.795.139.808	567.554.664.729
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	43.005.222	1.400.538.215
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	80.100.000.000	4.250.000.000
	97.045.292.907	573.359.656.094

6. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch thực
	thực hiện trong năm	hiện trong năm
	Cổ phiếu	VND
a) Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	5.279.044	79.187.790.800
- Trái phiếu	-	-
Cộng	5.279.044	79.187.790.800
b) Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	673.047.646	8.524.917.242.330
- Trái phiếu	5.125.540	523.154.857.779
- Chứng khoán khác	950	9.502.600
Cộng	678.174.136	9.048.081.602.709

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị đánh giá lại VND
Tài sản tài chính FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	30.714.812.987	22.787.879.480	27.933.543.928	22.175.741.600
Cổ phiếu Upcom	13.348.406	2.203.200	9.331.706	1.642.000
Cộng	30.728.161.393	22.790.082.680	27.942.875.634	22.177.383.600

Tài sản tài chính AFS

Cổ phiếu chưa niêm yết	177.485.980.218	171.285.980.218	187.766.714.218	185.466.714.218
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	50.122.076.026	50.122.076.026	50.122.076.026	50.122.076.026
Hợp đồng mua chứng khoán, bán chứng khoán	-	-	1.369.349.463	1.369.349.463
Cộng	227.608.056.244	221.408.056.244	239.258.139.707	236.958.139.707

Các khoản cho vay

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Cho vay ký quỹ giao dịch chứng khoán	195.188.155.305	181.879.260.648
Cho vay ứng trước tiền bán	18.144.795.694	11.726.261.416
Cộng	213.332.950.999	193.605.522.064

8. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)		Giá trị đánh giá lại	Giá trị đánh giá lại		
	Giá mua	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá mua			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
Tài sản tài chính FVTPL								
- CTCP Phần lân Nung chảy Văn Điển	20.397.101.528	-	(6.577.722.878)	21.762.104.210	-	(5.641.340.210)	16.120.764.000	
- CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	10.282.480.000	-	(1.336.496.200)	-	-	-	-	
- CTCP Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	-	-	-	2.183.927.500	43.480.500	-	2.227.408.000	
- CTCP Vận tải Dầu khí	-	-	-	1.848.811.200	89.290.800	-	1.938.102.000	
- Cổ phiếu niêm yết và Upcom khác	48.579.865	-	(23.859.635)	2.148.032.724	48.800.070	(305.723.194)	1.891.109.600	
Cộng	30.728.161.393	-	(7.938.078.713)	27.942.875.634	181.571.370	(5.947.063.404)	22.177.383.600	
Tài sản tài chính AFS								
- CTCP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000	
- CTCP Thị công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	3.000.000.000	-	(2.300.000.000)	700.000.000	
- Cổ phiếu chưa niêm yết khác	149.485.980.218	-	(3.200.000.000)	159.766.714.218	-	-	159.766.714.218	
- Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	50.122.076.026	-	-	50.122.076.026	-	-	50.122.076.026	
- Hợp đồng mua chứng khoán, bán chứng khoán	-	-	-	1.369.349.463	-	-	1.369.349.463	
Cộng	227.608.056.244	-	(6.200.000.000)	239.258.139.707	-	(2.300.000.000)	236.958.139.707	

9. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Loại tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng năm nay		Dự phòng tại ngày 31/12/2016 VND	Giá trị lập dự phòng tại ngày 31/12/2015 VND	
	Số lượng	Giá số sách kế toán VND		Giá trị lập dự phòng tại ngày 31/12/2015 VND	Mức (trích lập) hoặc hoàn nhập trong năm VND
Tài sản tài chính FVTPL					
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	514.137	10.282.480.000	8.945.983.800	(1.336.496.200)	(1.336.496.200)
- Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	1.092.441	20.397.101.528	13.819.378.650	(6.577.722.878)	(936.382.668)
- Cổ phiếu khác	2.497	48.579.865	24.720.230	(23.859.635)	281.863.559
Cộng	1.609.075	30.728.161.393	22.790.082.680	(7.938.078.713)	(1.991.015.309)
Tài sản tài chính cho vay (i)					
- Cho vay ký quỹ giao dịch chứng khoán	-	195.188.155.305	195.188.155.305	-	-
- Cho vay ứng trước tiền bán	-	18.144.795.694	18.144.795.694	-	-
Cộng		213.332.950.999	213.332.950.999		
Tài sản tài chính AFS (ii)					
- Công ty Cổ phần Dầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	2.500.000	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thị công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	300.000	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	(700.000.000)
- Cổ phiếu chưa niêm yết khác	13.606.759	149.485.980.218	146.285.980.218	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
- Hợp đồng mua chứng khoán, bán chứng khoán	-	-	-	-	-
- Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	-	50.122.076.026	50.122.076.026	-	-
Cộng	16.406.759	227.608.056.244	221.408.056.244	(6.200.000.000)	(3.900.000.000)
Tổng cộng		471.669.168.636	457.531.089.923	(14.138.078.713)	(5.891.015.309)

(i) Tài sản tài chính cho vay ký quỹ giao dịch chứng khoán được bảo đảm bằng danh mục tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với giá trị tài sản ký quỹ lớn hơn dư nợ, tài sản tài chính cho vay ứng trước tiền bán được đảm bảo bằng số tiền về T+2 của khách hàng, do đó, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính này.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản tài chính sẵn sàng để bán của Công ty bao gồm các khoản đầu tư và ủy thác quản lý danh mục đầu tư với giá trị số sách là 227.608.056.244 đồng. Căn cứ trên cơ sở thông tin thu thập được từ các báo giá của ba công ty chứng khoán, Công ty đã trích lập 6.200.000.000 đồng dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư có phiếu chưa niêm yết (OTC). Công ty đã thận trọng đánh giá và tin tưởng rằng thông tin trên các báo giá thu thập được đã phản ánh trên thị trường của các khoản đầu tư này.

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
1. Các khoản phải thu từ bán các tài sản tài chính		
Phải thu về khớp lệnh chứng khoán T+2	-	61.941.300
	-	61.941.300
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		
Phải thu lãi nghiệp vụ margin	2.958.649.381	2.075.087.006
Phải thu tiền lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	7.129.722.211	7.129.722.211
Phải thu tiền lãi hợp đồng mua chứng khoán, bán	-	448.296.346
Dự thu cổ tức, tiền lãi khác	399.326.268	288.966.267
<i>Trong đó, các khoản phải thu khó đòi</i>	<i>7.129.722.211</i>	<i>7.578.018.557</i>
	10.487.697.860	9.942.071.830
3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		
Phải thu hoạt động dịch vụ	13.088.024.570	3.748.456.650
Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	-	968.608.329
Phải thu các dịch vụ khác	-	847.145.405
<i>Trong đó, các khoản phải thu khó đòi</i>	<i>5.746.854.328</i>	<i>1.374.359.114</i>
	13.088.024.570	5.564.210.384
4. Các khoản phải thu khác		
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	35.000.000.000	46.354.387.316
Phải thu khác	8.676.471.911	8.102.607.877
	43.676.471.911	54.456.995.193

(*) Số dư phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư trị giá 35.000.000.000 đồng là khoản phải thu một nhóm các nhà đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng các lô đất tại thành phố Hồ Chí Minh (Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất này) và một số tài sản khác với tổng giá trị 40.388.405.934 đồng để đảm bảo khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường, tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao và Công ty có thể kiểm soát và thanh lý tài sản để thu hồi nợ, đồng thời giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu này.

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Dự phòng nợ phải thu khó đòi			
	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số đầu năm VND	Trích lập bổ sung VND	Số cuối năm VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính				
- CTCP Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	7.129.722.211	(4.990.805.548)	(2.138.916.663)	(7.129.722.211)
Cộng	7.129.722.211	(4.990.805.548)	(2.138.916.663)	(7.129.722.211)
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp				
- Công ty TNHH Vận tải DMAX	176.000.000	(176.000.000)	-	(176.000.000)
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	405.350.000	(145.000.000)	(96.715.000)	(241.715.000)
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	220.000.000	(110.000.000)	(44.000.000)	(154.000.000)
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB	3.000.000.000	-	(900.000.000)	(900.000.000)
- Các khoản phải thu khó đòi khác	1.945.504.328	(1.029.117.926)	(317.853.949)	(1.346.971.875)
Cộng	5.746.854.328	(1.460.117.926)	(1.358.568.949)	(2.818.686.875)
Tổng cộng	12.876.576.539	(6.450.923.474)	(3.497.485.612)	(9.948.409.086)

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	14.809.966.130	2.896.863.700	17.706.829.830
Mua trong năm	108.300.000	-	108.300.000
Tặng khác	479.910.200	-	479.910.200
Số dư cuối năm	15.398.176.330	2.896.863.700	18.295.040.030
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	14.429.639.171	2.284.098.551	16.713.737.722
Khấu hao trong năm	316.352.345	297.399.161	613.751.506
Tặng khác	479.910.200	-	479.910.200
Số dư cuối năm	15.225.901.716	2.581.497.712	17.807.399.428
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	380.326.959	612.765.149	993.092.108
Số dư cuối năm	172.274.614	315.365.988	487.640.602

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị 16.273.354.290 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 10.380.256.750 đồng).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm ứng dụng VND	Khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	12.989.653.695	1.040.000.000	14.029.653.695
Mua trong năm	519.839.000	-	519.839.000
Số dư cuối năm	13.509.492.695	1.040.000.000	14.549.492.695
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	12.989.611.507	590.430.108	13.580.041.615
Khấu hao trong năm	104.382.179	246.666.672	351.048.851
Số dư cuối năm	13.093.993.686	837.096.780	13.931.090.466
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	42.188	449.569.892	449.612.080
Số dư cuối năm	415.499.009	202.903.220	618.402.229

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị 13.289.653.695 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 13.247.253.695 đồng).

14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	9.345.735.222	8.653.949.307
Tiền lãi phân bổ trong năm	14.426.547	14.426.547
	9.480.161.769	8.788.375.854

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Phải trả nhà đầu tư về mua Chứng khoán	-	483.136.832.686
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	32.054.752.513	30.997.398.541
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.027.648.903	1.027.648.903
Phải trả, phải nộp khác	-	1.145.984.981
	33.082.401.416	516.307.865.111

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		(Lỗ) lũy kế		Tổng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số đầu năm năm trước (trình bày lại)	598.413.000.000	67.439.970.360	-	3.375.291.013	3.364.941.013	(73.610.093.920)	598.983.108.466				
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	304.514.556	304.514.556				304.514.556
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)				(500.000.000)
Chi thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(398.400.000)	(398.400.000)				(398.400.000)
Số đầu năm năm nay	598.413.000.000	67.439.970.360	-	3.375.291.013	3.364.941.013	(74.203.979.364)	598.389.223.022				
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	5.011.693.347	5.011.693.347				5.011.693.347
Số cuối năm	598.413.000.000	67.439.970.360	-	3.375.291.013	3.364.941.013	(69.192.286.017)	603.400.916.369				

Vốn cổ phần đã phát hành

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	59.841.300	598.413.000.000	59.841.300	598.413.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.841.300	598.413.000.000	59.841.300	598.413.000.000

17. LÃI, LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm nay				Năm trước (Trình bày lại)	
	Số lượng bán	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán	Lãi, lỗ bán chứng khoán
					VND	VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL						
- CTCP Tập đoàn Hòa Phát	164.010	36.663	6.013.061.000	5.418.757.671	594.303.329	-
- CTCP Vận Tải Dầu Khí	443.010	11.153	4.940.754.000	4.353.710.791	587.043.209	-
- CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	-	-	-	-	572.422.000
- CTCP Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	-	-	-	-	-	525.619.400
- CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	-	-	-	-	631.030.000
- Cổ phiếu niêm yết khác	1.536.665	-	24.246.094.500	22.624.807.231	1.621.287.269	232.860.183
Cộng	2.143.685	47.816	35.199.909.500	32.397.275.693	2.802.633.807	1.961.931.583
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL						
- CTCP Đường Biên Hòa	62.700	17.900	1.122.330.000	1.170.590.580	(48.260.580)	-
- CTCP Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	146.540	14.100	2.066.156.000	2.183.927.500	(117.771.500)	-
- CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	103.120	12.643	1.303.703.000	1.644.491.378	(340.788.378)	-
- Cổ phiếu niêm yết khác	434.434	-	4.581.230.800	4.960.354.370	(379.123.570)	(883.022.117)
Cộng	746.794	44.643	9.073.419.800	9.959.363.828	(885.944.028)	(883.022.117)

ĐẠI SĨ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

18. CỐ TỨC VÀ TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Tài sản tài chính FVTPL		
Cổ tức CTCP Phân lân Nung chảy Văn Điển	992.414.500	895.598.000
Cổ tức CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	668.248.100	-
Cổ tức cổ phiếu niêm yết khác	192.908.590	27.934.717
Cộng	1.853.571.190	923.532.717
Tài sản tài chính cho vay và phải thu		
Lãi cho vay hoạt động margin	25.954.230.908	18.395.131.167
Lãi cho vay Ứng trước tiền bán	1.476.911.946	1.780.929.309
Lãi khác	1.671.552.829	-
Cộng	29.102.695.683	20.176.060.476
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán		
Cổ tức CTCP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn	170.500.000	-
Cổ tức CTCP Bất động sản Dầu khí	218.345.500	143.788.500
Cổ tức CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	-	1.857.449.000
Lãi khác	9.073.487	7.189.375.128
Cộng	397.918.987	9.190.612.628

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí dự phòng giảm giá tài sản tài chính	5.891.015.309	5.917.835.996
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.134.124.460	-
Chi phí hoạt động khác	4.446.052.444	5.322.325.559
Cộng	11.471.192.213	11.240.161.555

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Lương và các khoản phúc lợi	7.578.708.915	9.579.739.804
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	727.241.001	646.575.771
Chi phí văn phòng phẩm	323.998.111	207.174.566
Chi phí công cụ, dụng cụ	130.334.258	146.101.875
Chi phí khấu hao TSCĐ	706.069.165	1.343.814.557
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.527.710.942	1.300.498.217
Chi phí dự phòng	2.363.361.152	5.087.920.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.759.267.345	5.901.247.990
Chi phí khác	5.224.636.126	10.053.686.258
Cộng	28.341.327.015	34.266.759.278

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông của Công ty trong năm được thực hiện dựa trên các dữ liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.011.693.347	304.514.556
Lãi để tính lãi trên cổ phiếu (VND)	5.011.693.347	304.514.556
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	59.841.300	59.841.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	84	5

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Chi tiêu	Môi giới, dịch vụ tài chính, lưu ký và quản lý cổ đông VND	Đầu tư chứng khoán, góp vốn VND	Tư vấn và bảo lãnh phát hành VND	Tiền gửi, vận hành PVN-Index và khác VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	55.144.628.310	5.054.123.984	16.840.201.243	11.039.292.273	88.078.245.810
2. Các chi phí trực tiếp	(30.047.921.767)	(1.917.649.436)	(10.469.645.253)	(6.412.818)	(42.441.629.274)
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	(23.887.511.537)	(3.981.251.923)	(6.370.003.076)	(5.573.752.692)	(39.812.519.228)
4. Thu nhập khác	-	-	-	1	1
5. Chi phí khác	-	-	-	(812.403.962)	(812.403.962)
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế	1.209.195.006	(844.777.375)	552.914	4.646.722.802	5.011.693.347

Tại ngày 31/12/2016

1. Tài sản bộ phận phân bổ	400.998.689.295	36.752.393.755	122.457.958.878	80.275.121.401	640.484.163.329
Tổng Tài sản	400.998.689.295	36.752.393.755	122.457.958.878	80.275.121.401	640.484.163.329
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	36.993.246.960	-	-	90.000.000	37.083.246.960
Tổng Nợ phải trả	36.993.246.960	-	-	90.000.000	37.083.246.960



23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ngân hàng TMCP Đại Chứng Việt Nam	Cổ đông lớn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Bên liên quan của cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Doanh thu lưu ký chứng khoán	5.736.629.344	4.809.664.441
Doanh thu PVN Index	1.413.335.607	1.427.401.598
Doanh thu tư vấn	216.589.880	1.039.041.069

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Ngân hàng TCMP Đại chứng Việt Nam		
Tiền gửi của Công ty	86.118.544.841	229.845.637.689
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	270.848.868	428.172.650

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.045.292.907	573.359.656.094
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	22.790.082.680	21.995.812.230
Các khoản cho vay	213.332.950.999	193.605.522.064
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	221.408.056.244	236.958.139.707
Các khoản phải thu	3.357.975.649	5.013.207.582
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	10.269.337.695	4.104.092.458
Các khoản phải thu khác	43.676.471.911	54.456.995.193
Tổng cộng	611.880.168.085	1.089.493.425.328
Công nợ tài chính		
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	940.696.266	969.245.951
Phải trả người bán ngắn hạn	44.261.788	656.918.346
Chi phí phải trả ngắn hạn	926.186.719	677.008.310
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	33.082.401.416	516.307.865.111
Tổng cộng	34.993.546.189	518.611.037.718

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, tuy nhiên rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản tiền nhận ứng trước của khách hàng để thu gom trái phiếu và các khoản tiền gửi của Công ty. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hóa lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về giá

Các khoản đầu tư bao gồm các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết, hợp đồng hợp tác đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do sự biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, đa dạng hóa danh mục đầu tư và các mức giới hạn cắt lỗ, cắt lỗ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng khi lập báo cáo tài chính.

Đối với các khoản phải thu dịch vụ ký quỹ (margin), Công ty quản lý rủi ro thông qua việc kiểm soát số lượng và giá trị chứng khoán của nhà đầu tư tại bất kỳ thời điểm nào.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-CTCK

Số cuối năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.045.292.907	-	97.045.292.907
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	22.790.082.680	-	22.790.082.680
Các khoản cho vay	213.332.950.999	-	213.332.950.999
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	221.408.056.244	-	221.408.056.244
Các khoản phải thu	3.357.975.649	-	3.357.975.649
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	10.269.337.695	-	10.269.337.695
Các khoản phải thu khác	35.797.750.086	7.878.721.825	43.676.471.911
Cộng	604.001.446.260	7.878.721.825	611.880.168.085
Công nợ tài chính			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	940.696.266	-	940.696.266
Phả trả người bán ngắn hạn	44.261.788	-	44.261.788
Chi phí phải trả ngắn hạn	926.186.719	-	926.186.719
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	33.082.401.416	-	33.082.401.416
Cộng	34.993.546.189	-	34.993.546.189
Chênh lệch thanh khoản thuần	569.007.900.071	7.878.721.825	576.886.621.896
Số đầu năm (Trình bày lại)			
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	573.359.656.094	-	573.359.656.094
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21.995.812.230	-	21.995.812.230
Các khoản cho vay	193.605.522.064	-	193.605.522.064
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	236.958.139.707	-	236.958.139.707
Các khoản phải thu	5.013.207.582	-	5.013.207.582
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	4.104.092.458	-	4.104.092.458
Các khoản phải thu khác	46.567.734.703	7.889.260.490	54.456.995.193
Cộng	1.081.604.164.838	7.889.260.490	1.089.493.425.328
Công nợ tài chính			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	969.245.951	-	969.245.951
Phả trả người bán ngắn hạn	656.918.346	-	656.918.346
Chi phí phải trả ngắn hạn	677.008.310	-	677.008.310
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	516.307.865.111	-	516.307.865.111
Cộng	518.611.037.718	-	518.611.037.718
Chênh lệch thanh khoản thuần	562.993.127.120	7.889.260.490	570.882.387.610

Tài sản đảm bảo

Công ty không cầm cố, thế chấp dưới bất kỳ hình thức nào cho các khoản nợ vào ngày lập báo cáo này.

Công ty đang nắm giữ các tài khoản chứng khoán, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiền ký quỹ tại tài khoản tiền gửi để cầm cố cho các hợp đồng hợp tác đầu tư và hợp đồng giao dịch ký quỹ.

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo tài chính này yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 334") do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2016. Theo đó, một số số liệu của năm tài chính trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

500
: T
: H
: T
VA
TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động

Đơn vị: VND

Thông tư 95		Thông tư 334		Chênh lệch Thay đổi
Tên chi tiêu	Năm trước	Tên chi tiêu	Năm trước	
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.986.142.530	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	2.885.464.300	
Doanh thu khác	37.387.514.283	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	20.176.060.476	
Doanh thu lưu ký chứng khoán	10.402.606.152	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	9.190.612.628	
		Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	32.870.871	
		Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	5.898.905.091	
		Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	76.123.732	
		Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	7.294.438.449	
		Thu nhập hoạt động khác	7.221.787.418	
Cộng	52.776.262.965		52.776.262.965	-
Chi phí hoạt động kinh doanh	60.921.860.477	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	883.022.117	
		Chi phí hoạt động tự doanh	766.075.779	
		Chi phí môi giới chứng khoán	18.385.097.661	
		Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	21.928.254.555	
		Chi phí lưu ký chứng khoán	7.716.829.341	
		Chi phí các dịch vụ khác	11.240.161.555	
		Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	2.419.469	
Cộng	60.921.860.477		60.921.860.477	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.266.759.278	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	34.266.759.278	
Cộng	34.266.759.278		34.266.759.278	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-CTCK

Các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính

Đơn vị: VND

Thông tư 95		Thông tư 334		Chênh lệch Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Số đầu năm	Tên chỉ tiêu	Số đầu năm	
Tiền	729.812.654.735	Tiền	569.109.656.094	Không bao gồm tiền
Cộng	729.812.654.735		569.109.656.094	(160.702.998.641) của Nhà đầu tư
Đầu tư ngắn hạn	267.201.015.341	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	27.942.875.634	
Cộng	267.201.015.341	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	239.258.139.707	- Đổi tên/Phân loại lại
Phải thu khách hàng	255.177.225.327	Các khoản cho vay	193.605.522.064	
Tiền		Các khoản phải thu	10.004.013.130	
Cộng	255.177.225.327	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	5.564.210.384	
Trả trước cho người bán	598.879.500	Các khoản phải thu khác	46.003.479.749	
Các khoản phải thu khác	9.003.931.542	Tài sản ngắn hạn khác	598.879.500	
Cộng	9.602.811.042	Các khoản phải thu khác	8.453.515.444	
Tài sản ngắn hạn khác	2.112.241.069	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	550.416.098	
Cộng	2.112.241.069	Tạm ứng	2.107.241.069	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.659.923.474)	Cầm cổ, thể chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	5.000.000	
Cộng	(6.659.923.474)	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(6.450.923.474)	
Hàng tồn kho	3.025.745.352	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	(209.000.000)	
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	181.062.898		(6.659.923.474)	
Tài sản dài hạn khác	1.657.029.710	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	188.184.311	
Cộng	4.863.837.960	Tài sản ngắn hạn khác	2.837.561.041	
Tổng cộng		Cầm cổ, thể chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.657.029.710	
		Cộng	4.682.775.062	(181.062.898) Đổi tên/Phân loại lại
				(160.884.061.539)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B09-CTCK

Các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

Thông tư 95		Thông tư 334		Chênh lệch Thay đổi
Tên chỉ tiêu	31/12/2015	Tên chỉ tiêu	31/12/2015	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.925.986.026	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.744.923.128	
Phải trả người lao động	775.681.118	Phải trả người lao động	897.328.483	
Chi phí phải trả	799.102.376	Chi phí phải trả ngắn hạn	677.008.310	
Cộng	3.500.769.520	Cộng	3.319.259.921	(181.509.599)
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	510.248.457.911	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	985.434.554	
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	31.102.946.731	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	516.307.865.111	
Cộng	541.351.404.642	Cộng	517.293.299.665	(24.058.104.977)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	136.644.446.963	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	-	
Cộng	136.644.446.963	Cộng	-	(136.644.446.963)
Quỹ dự phòng tài chính	6.740.232.026	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	3.375.291.013	
Cộng	6.740.232.026	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3.364.941.013	
Lỗi lũy kế	(74.203.979.364)	Lỗi lũy kế	(74.203.979.364)	
Cộng	(74.203.979.364)	Cộng	(74.203.979.364)	-
Tổng cộng	(160.884.061.539)	Tổng cộng	(160.884.061.539)	-



**Trần Thị Minh Hiền
Người lập biểu**

Ngày 23 tháng 3 năm 2017



**Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng**



**Hoàng Hải Anh
Giám đốc**

